

PHÍA TRƯỚC

Kinh hoàng lũ dữ

Giáo dục
cấp cao
nhìn từ
khía cạnh
học phí

Nét
duyên quê



Lời mở đầu

Các bạn thân mến,

Những trang tạp chí Phía Trước số 5 đang mở ra trước mắt bạn. Những bài viết mới mang những thông tin, những nhận định, những quan sát sự kiện gần với thời điểm hiện tại: «Giáo dục cấp cao nhìn từ góc độ học phí», «Trận chiến Airbus & Boeing...», «Tư tưởng Hồ Chí Minh» hay «'Kiềng ba chân' chống tham nhũng» v.v..., cùng các bài viết khác đã tạo nên số thứ 5 hoàn chỉnh để sẵn sàng đưa tới bạn đọc.

Trong các sự kiện mà số 5 đề cập đến, chúng tôi muốn dành một khoảng không gian để nói về sự kiện bão lũ trong thời gian qua ở các tỉnh miền Trung.

Các bạn mến,

Chưa bao giờ, trong 30 năm qua, người dân Việt Nam lại chứng kiến một trận bão lũ lớn như vậy. Và cũng chưa bao giờ, trong ngần ấy năm, mất mát và đau đớn vì thiên tai đổ xuống người dân các tỉnh miền Trung lại lớn đến thế!

Là một tiếng nói, Phía Trước muốn đưa sự kiện này lên các trang của mình như thể hiện cho sự chia sẻ và cảm thông với những mất mát và đau đớn ấy!

«Những cơn mưa xối xả suốt mấy ngày nay... đang nhấn chìm Hà Tĩnh, Quảng Bình trong biển nước sâu 1m. Đập Sông Trí dung tích 73.000m³ vừa vỡ phần vai. Hàng vạn người đang mò mẫm tìm các khoảnh đất cao trú thân...»

«Cả ngày 7/8, Hà Tĩnh ngập chìm trong mưa. Mưa mỗi lúc mỗi to, kéo dài dai dẳng. Mưa trắng xóa cả bầu trời, nhấn chìm mọi thứ trong dòng nước chảy xiết dâng lên nhanh...»

«Gia Lai, Kon Tum mưa lớn; lũ từ các sông dâng lên, nước tràn xuống từ các đỉnh núi nhấn chìm nhiều làng bản, cuốn trôi hàng ngàn hecta lúa, hoa màu, chia cắt nhiều tuyến giao thông quan trọng...» (*)

Trước những hậu quả để lại bởi bão lũ, các công tác cứu trợ đã và đang được nỗ lực thi hành. Hơn lúc nào hết, sự tương thân, tương ái giữa những con người cùng chung tổ quốc, chung đồng bào cần được thể hiện rõ nét và sâu sắc bằng những việc làm thiết thực và giàu ý nghĩa. Người dân khắp mọi miền đang dành thật nhiều sự sẻ chia, đóng góp, thăm hỏi và động viên tới người dân chịu hậu quả của bão lũ.

Hi vọng rằng họ, những người vừa đi qua cơn bão, sẽ sớm vượt qua được những khó khăn! Nhân dân cả nước, trong đó có tuổi trẻ, đang hướng về miền Trung ruột thịt.

Ban biên tập Tạp chí Phía Trước

(*): theo báo điện tử Vietnamnet

PHÍA TRƯỚC

<http://phiatruoc.net>

<http://360.yahoo.com/tapchiphiatruoc>

email: tapchiphiatruoc@gmail.com

Ban biên tập:

Minh Anh

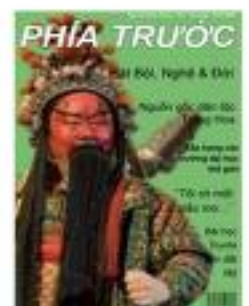
Ngọc Lan

Trọng Nghĩa

Trình bày:

Tứ Hỷ

Anh Tuấn



Mục Lục

Kinh Tế-Xã Hội

- Trang 3 Kinh hoàng lũ dữ
- Trang 6 Giáo dục cấp cao nhìn từ khía cạnh học phí
- Trang 8 Đợt biểu tình mới đòi công lý của dân oan
- Trang 9 Airbus vs Boeing tại sao Seattle thắng thế?
- Trang 15 Chỉ số thuận lợi kinh doanh - EDBI



Chính Trị

- Trang 18 “Kiềng ba chân” chống tham nhũng
- Trang 21 Chính trị học trong sự tăng trưởng của Trung Quốc



Khoa Học - Kỹ Thuật

- Trang 24 Tại sao con người dễ tin vào tôn giáo



Văn Hóa

- Trang 28 Nét duyên quê



Lịch Sử

- Trang 31 Dân chủ trong tư tưởng Hồ Chí Minh



Giải Trí

- Trang 33 “Bạn có biết”:
Đài tưởng niệm các nhà báo
hy sinh trong lúc làm nhiệm vụ
- Trang 34 Truyện cười, tranh biếm họa





Kinh hoàng lũ dữ

“Đây là đợt lũ lịch sử trong vòng 30 năm qua”, bà Nguyễn Lan Châu, Phó Giám đốc Trung tâm Dự báo KTTV TƯ đã nhận định như vậy khi nói về trận lũ kinh hoàng ở miền Trung những ngày đầu tháng 8.

Hàng ngàn căn nhà bị nhấn chìm trong lũ, hàng chục người mất tích do bị lũ cuốn, hàng trăm kilômet đường giao thông bị tàn phá, hàng ngàn hecta lúa và hoa màu bị ngập nước...

Đợt lũ lần này chỉ được dự báo trước 24h khi cơn bão số 2 bắt đầu ảnh hưởng đến Việt Nam. Mưa lớn trong các ngày 6-7 tháng 8. Nước sông dâng

cao nhanh chóng đã nhấn chìm hai tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình. Đến nay lũ qua đi, nước rút để lại hậu quả nặng nề về người và của.

Theo Ban chỉ đạo phòng chống lụt bão Trung Ương, tính đến ngày 17 tháng 8 đã có 74 người thiệt mạng, 9 người mất tích trong đợt mưa lũ do bão số 2 gây ra. Tổng thiệt hại lên đến gần 2.200 tỉ đồng. Trong đó nặng nhất là Hà Tĩnh (642 tỉ đồng), Quảng Bình (620,6 tỉ đồng). 1850 ngôi nhà bị ngập, trôi; 170.600 nhà khác bị hư hại; 345 phòng học phải sửa chữa; 61 bệnh xá cần được khắc phục. Ngoài ra, mưa lũ đã làm ngập 66.400ha hoa màu, sạt lở 755.000m³ thủy lợi và gần 1 triệu m³ đất đá đường giao thông...

Ngay khi tin lũ vừa được loan truyền

trên các phương tiện truyền thông, các cá nhân cơ quan đoàn thể đã tổ chức nhiều cuộc quyên góp cứu trợ đồng bào.

Đến nay, Chính phủ đã hỗ trợ ngay 85 tỷ đồng và 3.000 tấn gạo cho các địa phương thực hiện công tác cứu trợ, khắc phục thiên tai... Mặt trận tổ quốc(MTTQ) Việt Nam cũng đã phân bổ 1,3 tỷ đồng cho các tỉnh và đã tiếp nhận được hơn 150 triệu đồng từ các tổ chức, cá nhân hỗ trợ cho đồng bào miền Trung khắc phục hậu quả.

Đồng thời, từ 20/8 đến 19/9, MTTQ Việt Nam cùng Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức tháng nhấn tin tự nguyện (4.000 đồng/tin nhắn) tới số 1400 để quyên góp giúp đỡ nhân dân bị thiệt hại trong đợt lũ vừa qua.



Công việc cứu hộ nhân dân trong lũ vừa kết thúc thì thời kỳ hậu lũ lại trở nên cực kỳ khó khăn với hàng ngàn hecta lúa, hoa màu bị hư hại, nên nhiều hộ có nguy cơ thiếu lương thực đến tận tháng 4 năm 2008.

Chỉ riêng Quảng Bình đã có 35.545 người cần được trợ giúp về lương thực *Xe taxi mùa lũ. Ảnh: donghocat*

trong sáu tháng tới. Bên cạnh nguy cơ thiếu ăn, nước uống, vệ sinh môi trường cũng đang trực tiếp đe dọa tới người dân. Sau nhiều ngày bị ngập sâu trong nước, bà con vùng lũ đang đối mặt với các bệnh như nước ăn chân, viêm da bội nhiễm, đau mắt đỏ...

Do vậy, công tác y tế dự phòng phải

được ưu tiên triển khai. Đầu tiên, việc xử lý nguồn nước để dân có nước sạch sử dụng là quan trọng nhất. Sau đó là xử lý môi trường, chôn xác súc vật trôi nổi để chống dịch. 70 đội thanh niên tình nguyện với hơn 1.000 người đã ra quân dọn vệ sinh, giúp dân sửa chữa nhà cửa, xử lý nguồn nước, khơi thông cống rãnh. Sau lũ, nguy cơ bùng phát dịch bệnh là rất cao. Do đó, Sở Y tế đã chuyển 120 cơ sở thuốc về các địa phương. Không chỉ có vậy, ngày khai giảng năm học mới đang gần kề, ngoài nỗi lo ăn, ở, dịch bệnh, còn có nỗi lo về thiếu sách vở, trường lớp bị tàn phá do nước lũ. Không khỏi xót xa trước những nông trường ngập ngụa bùn đất, bàn ghế ngổn ngang, cửa sổ bay mất dạng, tường rào sụp đổ. Hầu hết đồ dùng giảng dạy ở các trường hư hỏng nặng, sách vở, giấy tờ... nhão như bùn, số còn lại được gom góp để sử dụng.

Vùng đất miền Trung vốn đã nghèo nay lại phải oằn mình gánh chịu thiên tai.





Phơi sách. Ảnh: dantri.com.vn

Một vấn đề vô cùng quan trọng trong quá trình khắc phục hậu quả thiên tai là điều phối và sử dụng tiền cũng như hàng hóa cứu trợ hiệu quả. Do có nhiều đoàn thể cá nhân tổ chức những chuyến thăm trao tận tay hàng cứu trợ đến đồng bào nên dễ có khả năng xảy ra tình trạng có những gia đình được thăm trao quà thường xuyên, và có những nơi do giao thông khó khăn nên không hay ít được ghé thăm.

Ngoài nỗi lo về thiên tai là nỗi lo về nhân họa. Đến giờ, người dân Hà Tĩnh vẫn không quên vụ việc “xà xẻo” tiền cứu trợ xảy ra vài năm về trước. Trong đợt lũ quét năm 2002, huyện Hương Sơn đã sử dụng tiền cứu trợ không đúng mục đích, gây thất thoát hơn 430 triệu đồng. Trong đó, 10 tấn gạo không được phát cho dân mà bị đem bán ngay sau khi nhận viện trợ- 10 tấn gạo được «tặng» cho Xí nghiệp Khai thác công trình thủy lợi, để rồi đơn vị này đem bán, chi tiêu vào mục đích riêng. Đặc biệt, nguồn tiền cứu trợ phân bổ về 7 xã đã không chỉ cho người dân có nhu cầu.

Người đã phải chịu trách nhiệm về những sai phạm



trong sử dụng tiền cứu trợ là nguyên chủ tịch UBND huyện Hương Sơn thời kỳ đó, ông Nguyễn Khắc Thứ. Liên quan vụ việc còn có nguyên trưởng phòng kế hoạch - tài chính huyện Hương Sơn Phan Cao Oánh, phó ban quản lý các dự án của huyện Nguyễn Đình Công và nhiều người khác.

Ngoài ra hàng loạt vụ khác bị phanh phui các năm gần đây. Năm 2006 cơn bão Xangsane tàn phá tỉnh Quảng Nam, nạn nhân của bão mãi sau 4 tháng mới nhận được... 2 kg gạo và 2 gói mì tôm. Và gần đây nhất là cơn bão Durian (bão số 9) vào Nam Bộ, sau đó người dân tố cáo ông Nguyễn Văn Be, chủ tịch ủy ban nhân dân



Dọn trường sau lũ. Ảnh: dantri.com.vn

xã Thừa Đức tham ô 60 triệu đồng từ nguồn ngân sách xã và các tổ chức từ thiện cứu trợ cho địa phương.

Số vụ lợi dụng thiên tai để trục lợi khiến nhà nước đi đến dự thảo quy chế tổ chức cứu trợ nhằm phân bổ, quản lý và sử dụng tiền hàng cứu trợ đồng bào bị thiên tai.

Từ Hy tổng hợp



Giáo dục cấp cao nhìn từ khía cạnh học phí

Trong số 500 đại học hàng đầu thế giới theo bảng xếp hạng của cả The Times lẫn Shainghai Jiao Tong, không có bóng dáng của bất cứ trường đại học nào của Việt Nam. Đây là nỗi buồn không của riêng ai mà là của chung rất nhiều người Việt Nam. Trung Quốc không giấu diếm ý định xây dựng các trường đại học hàng đầu có thể sánh vai với Princeton hay Stanford. Liệu bao giờ Việt Nam mới có được đại học đẳng cấp quốc tế? Trong phần bài viết dưới đây, tôi muốn phân tích việc xây dựng và duy trì một trường đại học đẳng cấp quốc tế ở Việt Nam dưới góc độ học phí.

Khi sự đầu tư cho giáo dục không đúng mức

Nền giáo dục của ta còn thiếu hụt những nguồn tài chính mạnh đầu tư cho giáo dục đại học. Đây có thể coi là nguyên nhân của mọi nguyên nhân cản trở Việt Nam xây dựng những trường đại học mạnh. Chúng ta không thể hi vọng một nền giáo dục với học phí \$400/năm có thể so sánh được với nền giáo dục \$40,000/năm. Sự khác biệt về khoảng cách tài chính đầu tư cho giáo dục đại học quá lớn khiến cho chất lượng giáo dục của Việt Nam khó có thể so sánh với các nước khác. Giáo sư Đỗ Đức Thái, một giáo sư trẻ và có tiếng ở đại học Sư Phạm cũng có lần than phiền rằng vì chuyện miếng cơm manh áo mà ông nhiều lúc không thể tập trung hoàn toàn cho việc giảng dạy và nghiên cứu. Lương của các giảng viên và giáo sư của Việt Nam chưa đúng với lượng chất

Để xây dựng những trường đại học có chất lượng cao ở Việt Nam, một nguồn tài chính xứng đáng là yếu tố không thể thiếu. Nâng cao chất lượng giáo dục cũng chính là nâng cao sức cạnh tranh của Việt Nam trong nền kinh tế tri thức.



Quốc tử giám, trường đại học đầu tiên của Việt Nam

xám họ bỏ ra và chưa thể giúp họ toàn tâm toàn ý cho công việc của mình.

Sự khác biệt về tài chính cũng khiến chúng ta không thể mua những trang thiết bị dạy học hiện đại. Ví dụ như cho việc dạy và học theo tin chỉ, một mô hình có từ lâu ở các nước khác nhưng còn khá mới ở Việt Nam. Trong hệ thống tin chỉ có quy định khá rõ về số giờ lên lớp, số giờ tự học, số giờ làm bài tập. Nếu như trường đại học không có đủ cơ sở vật chất về thư viện, trường lớp thì khó có thể đảm bảo chất lượng

giáo dục theo tin chỉ. Hay như chuyện các nguồn báo cáo khoa học chẳng hạn.

Các trường đại học lớn hàng năm bỏ ra rất nhiều tiền để sinh viên và các giảng viên có thể truy cập vào cơ sở dữ liệu lớn của các tổ chức khoa học như ACM, IEEE, Springerlink, các tạp chí khoa học v.v. và do đó họ có thể tiếp cận được nhiều công nghệ mới hơn chúng ta. Cũng vì lý do này mà khả năng nghiên cứu của sinh viên nước ta yếu hơn các nước khác.



Học phí bao nhiêu là hợp lý?

Các trường hàng đầu của Mỹ như Princeton mỗi năm đều chi khoảng 6 đến 8 tỉ đô la cho chi tiêu trong toàn trường. Các trường đại học lớn ở Châu Á như NUS cũng sử dụng xấp xỉ 1 tỉ đô la. Còn Việt Nam chúng ta nếu muốn có một đại học tầm cỡ thì cũng phải có khoản tài chính hàng năm khoảng 100 triệu đô la. Nếu chúng ta duy trì mức học phí \$500/năm thì chúng ta cần 200.000 sinh viên để được số tiền đó. Với mức học phí \$5000/năm thì chúng ta chỉ cần 20.000 sinh viên để có số tiền đó, một số lượng sinh viên vừa phải cho một trường đại học. Nếu kể thêm sự đầu tư từ nhà nước và các doanh nghiệp thì số tiền này có thể giảm xuống còn \$2000/năm. Bạn có thể phản đối và cho rằng đây là số tiền quá lớn khi thu nhập đầu người của nước ta chỉ ở mức \$600/năm. Nhưng chúng ta cần lưu ý là học phí của đại học FPT mới được thành lập là \$900/ki tức khoảng \$1800/năm nhưng họ vẫn nhận được 4000 hồ sơ đăng ký học. Trong vài năm tới, khi mức sống của người dân khá lên nhiều, số lượng người đăng ký sẽ tiếp tục tăng lên. Tại Mỹ, mức học phí của các trường đại học hàng đầu dao động từ khoảng

\$40,000 tới \$70,000/năm, tức là gấp khoảng từ một đến hai lần thu nhập bình quân đầu người. Nếu tính theo tỉ lệ này thì mức học phí \$2000/năm tại Việt Nam sẽ là mức học phí vừa phải cho một nền giáo dục tốt.

Một câu hỏi được đặt ra là liệu điều này có tạo ra sự bất công trong giáo dục? Thật khó để nói là không. Tuy nhiên, nói là có cũng không hoàn toàn đúng. Thứ nhất, trong các trường lớn, luôn có một lượng nhất định các suất học bổng dành cho các sinh viên thực sự xuất sắc và có ý chí. Học bổng này bao gồm tiền ăn học và tiền ăn ở. Điều đó có nghĩa là ngay cả những sinh viên nghèo cũng có thể vươn lên bằng chính khả năng của mình. Thứ hai, sinh viên có thể vay tiền học từ các tổ chức tín dụng làm giảm mức học phí phải đóng xuống nhiều. Số tiền này sau khi học xong sẽ được trả dần dần, trong vòng 10-20 năm bằng lương của chính sinh viên đó. Với cách làm này, ngay cả những gia đình ở tầng lớp trung lưu cũng có thể chấp nhận được mức học phí đó. Thứ ba, khi chất lượng giáo dục được đảm bảo ở mức nhất định, các công ty công nghệ cao có thể bỏ tiền chu cấp học phí cho sinh viên để đổi lại một ràng buộc nào đó (ví dụ

như làm việc cho công ty đó từ 2-3 năm). Ngoài ra, các trường đại học có thể kêu gọi đóng góp từ các cựu học sinh. Ở Mỹ, hàng năm người ta vẫn tổ chức các buổi họp mặt alumni (cựu học sinh) để quyên góp tiền cho trường và nhiều người trong số họ khi đã là tỉ phú không tiếc tiền túi của mình để đóng cho trường.

Chuyện giáo dục đại học của một đất nước không thể nói tóm gọn trong một bài viết. Để hòa nhập với thế giới, chúng ta phải thay đổi chính mình. Sẽ còn có nhiều cuộc hội thảo xung quanh vấn đề học phí, sẽ còn những điều này điều kia về vấn đề này. Nhưng có một điều không ai có thể phủ nhận là: để có một nền giáo dục ở đẳng cấp cao, chúng ta cần một nguồn tài chính tương đương với nó. Intel đã đầu tư hơn một tỉ đô la để đầu tư xây dựng nhà máy chip ở Việt Nam. Tiếp sau đó có thể là cuộc đổ bộ của các tập đoàn công nghệ lớn khác. Nếu chúng ta không có các trường đại học lớn thì lực lượng tri thức sẽ không đủ để làm việc trong nền kinh tế tri thức. Lúc đó, có thể Việt Nam sẽ phải nuối tiếc vì để lỡ thêm một lượt tàu.

Nguyễn Thanh Phong.

Đợt biểu tình mới đòi công lý của Dân Oan

Gần 2 tuần sau khi những người dân oan miền Nam khiếu kiện bị cưỡng bức trở về quê nhà (ngày 18 tháng 7 năm 2007), những đòi hỏi của họ vẫn không hề được quan tâm giải quyết. Những hứa hẹn của cán bộ các cấp, thêm một lần nữa, vẫn chỉ là những lời hứa suông. Trước tình cảnh đó, bà con đã quyết định quay trở lại Sài Gòn tiếp tục đòi công lý.

Tại Sài Gòn, bắt đầu từ ngày 3 tháng 8, gần 100 nông dân tỉnh Bến Tre và Bình Thuận kéo về thành phố, đòi trả lại đất đai, tài sản bị cưỡng đoạt phi pháp trong nhiều năm qua. Sau đó cuộc biểu tình đã lôi cuốn thêm hàng trăm dân oan thuộc nhiều tỉnh ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ như Tiền Giang, Long An, Đồng Tháp, Đồng Nai, An Giang, Hậu Giang... và nhiều huyện nội, ngoại thành Sài Gòn. Ngày 22 tháng 8, số đông bào tham gia biểu tình lên tới 200 người.

Tại Hà Nội, bà con dân oan đến từ khắp các tỉnh thành tập trung tại 110 Cầu Giấy để kêu gọi giải quyết vấn đề đất đai bị cưỡng đoạt. Liên tục trong nhiều ngày từ cuối tháng 7, đầu tháng 8 đến nay, bà con biểu tình ôn hòa, phát tờ rơi để đòi hỏi quyền lợi hợp pháp của mình. Đặc biệt, ngày 31 tháng 7, số người biểu tình lên tới 500 người.





Airbus *và* Boeing

tại sao Seattle thắng thế?



Máy bay quân sự của hãng Boeing



Trong khi đối thủ châu Âu đang vật lộn với những vấn đề về việc chậm trễ giao hàng, về việc đánh giá sai lầm thị trường và về khả năng của các quốc gia thành viên, Boeing đã sử dụng công nghệ hiện đại và hợp tác với các đối tác ở tầm quốc tế. Tương lai của hai đại gia này sẽ ra sao?

Ngoài những trận chiến không ngừng giữa Airbus và Boeing để giành giật khách hàng, trí tưởng tượng đã không ngừng được sử dụng để giảm giá thành sản xuất. Trận chiến công nghệ giữa hai nhà khổng lồ sản xuất máy bay dân dụng đã tiêu tốn hàng chục tỉ đô-la và euro. Cuộc chiến này, đã đóng góp vào sự thịnh vượng của lĩnh vực vốn thuộc chủ quyền quốc gia (đối với Boeing) và liên minh châu Âu (đối với Airbus). Nó đồng thời giữ một vai trò quan trọng trong vấn đề việc làm và thương mại quốc tế.

Cuộc tranh đua này đã phát triển lên một tầm cao mới vào năm 2006 và tiếp tục khốc liệt hơn vào năm 2007, trong hoàn cảnh rất đặc biệt, đó là cuộc cạnh tranh công nghiệp "lưỡng cực" khốc liệt nhất hành tinh. Trong những điều

kiện đó, người ta không ngạc nhiên khi thấy những nhà chính trị được mời phát biểu thường xuyên trong những cuộc tranh luận "riêng tư" này.

Cuộc tranh luận giữa những người bảo vệ kinh tế thị trường tự do tuyệt đối (Hoa Kỳ) và những người đối lập (châu Âu) rất căng thẳng. Kết quả là hàng chồng hồ sơ về hỗ trợ của Nhà nước, về những sự trợ giúp gián tiếp và về những khoản cho vay trước đã được đem ra trước Tổ chức thương mại thế giới (WTO) sau tố cáo của Hoa Kỳ, một thỏa hiệp khó khăn đã đạt được vào năm 1992.

Ngay trong châu Âu cũng nổ ra những cuộc tranh luận, khi phải hàn gắn những nguyện vọng và những đòi hỏi thường xuyên mâu thuẫn nhau giữa Pháp và Đức, những cổ đông chính của Airbus thông qua tập đoàn EADS. Người Pháp tin vào sự cần thiết phải có mặt của Nhà nước, dù là tối thiểu (Chính phủ Pháp nắm 15% cổ phần của EADS), trong khi người Đức cho rằng (phát biểu bởi DaimlerChrysler), rằng thời điểm để tư nhân hóa hoàn toàn Airbus đã điểm từ lâu.

Sai lầm nghiêm trọng nhất của nhà chế

tạo máy bay châu Âu

Đôi khi tinh tế, nhưng thường thì dữ dội, cuộc cạnh tranh lưỡng cực lại nổi lên sau sự kiện chậm trễ giao hàng máy bay A380 và ảnh hưởng đến kế hoạch kinh tế Power 8 của Airbus (cắt giảm 10 000 việc làm). Vấn đề này cũng là một trong những chủ đề được bàn tán trong mùa bầu cử Tổng thống Pháp.

Không thể chối cãi rằng Airbus đang bị rung chuyển và trở nên yếu ớt sau những lỗi lầm nghiêm trọng trong việc đánh giá thị trường, những vấn đề của các chính phủ và sự chậm trễ trong việc sản xuất A380. Làm thế nào mà tập đoàn khổng lồ của 4 quốc gia với 57.000 nhân viên, gần 30 tỉ euro doanh thu mỗi năm lại phạm sai lầm như vậy?

Tại bản doanh của Airbus ở Blagnac, chỉ có ngôn ngữ của Shakespeare được sử dụng. Một từ đang dần biến mất: "complacency", có nghĩa là "sự bằng lòng", "sự tự mãn", điều cần tránh bằng mọi giá. Bởi vì khi vừa mới bước vào thế kỉ XXI, những người châu Âu đã bắt kịp Boeing nhanh hơn nhiều so với dự đoán của cả những người lạc quan nhất.

Đó là nguồn gốc của sự tự mãn, dù đi kèm với nó là cảnh báo của những người thực tế nhất, những người quản trị thận trọng nhất trong công ty: đừng say sưa bởi chiến thắng, đừng lặp lại sai lầm đã khiến Boeing bị mất ổn định cách đây vài năm, hãy tránh tất cả “complacency”, hãy cảnh giác.

Dù đã có người cảnh báo trước, Airbus vẫn bị rơi vào bẫy. A380, máy bay công nghệ cao, biểu tượng của sức mạnh và thành công, đã ở trong công xưởng để kết thúc việc độc quyền của máy bay Boeing 747. Airbus cũng bán được rất nhiều A319 và A320, cạnh tranh với thành công của dòng 737. Máy bay hai động cơ A330 cũng được lòng của rất nhiều hãng hàng không. Việc chiếm hơn 50% thị phần một chút đã gây nên cảm giác tự mãn vô biên... và nguy hiểm đã xuất hiện nơi người chiến thắng.

Chính trong hoàn cảnh như vậy, Airbus đã phạm phải sai lầm nghiêm trọng nhất trong lịch sử. Toulouse (nơi đặt đại bản doanh của Airbus) đã nghiên cứu một phiên bản cải tiến của A330, đặt tên là A350 để có thể cạnh tranh với 787 Dreamliner của Boeing, với điều kiện là phải giới hạn quỹ nghiên cứu dưới 5 tỉ euro vì Airbus đã tiêu tốn quá nhiều cho việc phát triển A380.

Còn 787, biểu tượng hoàn hảo của sức mạnh công nghệ, được thiết kế với hơn 50% là vật liệu composite, gắn động cơ General Electric GENx thế hệ mới, tiêu tốn ít xăng và sạch hơn. Chiếc 787 đã được phát triển với sự hợp tác của một mạng lưới đối tác công nghệ ấn tượng, cho thấy mong muốn của Boeing để phản công lại Airbus ở mức độ cao.

Trong chương trình này, Boeing đã hoàn thiện chuyện toàn cầu hóa việc chế tạo máy bay dân sự với sự tham gia của các đối tác công nghiệp tại hơn một chục quốc gia. Những tập đoàn lớn của Nhật và Ý Finmeccanica, đồng minh trung thành của Seattle, và Úc, Canada, Trung Quốc, Hàn Quốc, Anh, Thụy Điển và ... Pháp với Dassault-Systèmes cung cấp các phần mềm Catia, Messier-Dowty, phụ trách hệ thống hạ cánh.

Hiển nhiên là A350 không thể so sánh được với B787. Nhưng đã cần phải nhiều tháng để thấy rõ được sự thiếu hụt này bởi Steven F. Udvar-Hazy, chủ tịch của International Lease Finance Corporation (tập đoàn thuê máy bay nhiều nhất thế giới) hùng mạnh vào đầu năm 2006. Ông đã chỉ trích gay gắt Airbus. Việc này đã khiến Airbus nhận ra sự thua kém: những viện nghiên cứu phải xem lại các bản vẽ, phát triển lại A350 và chuẩn bị phản công. Từ đó, A350XWB (Xtra Wide Body) đã ra đời với đặc điểm là thân máy bay được mở rộng khiến du khách cảm thấy thoải mái hơn. Nhưng việc phát

triển này đã phải trả một giá rất đắt. Chi phí đã nhân lên gấp đôi vào một thời điểm nhạy cảm của Airbus: việc sản xuất A380 không đúng kế hoạch, gây ra những khoản phụ trội đến gần 5 tỉ euro và sự giận dữ của các hãng hàng không.

Hóa đơn lớn gấp đôi

Không nghi ngờ gì khi A350XWB sẽ dần đuổi kịp lại B787. Tuy nhiên, điều này khiến người ta nghĩ đến nhà vô địch Formula 1, bị hội đồng thi bắt phải xuất phát từ dưới cùng. Trong trường hợp này, người ta tự hỏi thời gian đua có đủ để nhà vô địch có thể lên dẫn đầu.



Lý do là vì B787 đã ra mắt chính thức vào ngày 8 tháng 7 vừa qua. Và việc giao hàng sẽ được tiến hành từ năm sau, với nhịp độ 10 chiếc 1 tháng. Một kỉ lục đối với máy bay dân dụng cỡ lớn. Hơn thế nữa, vào tháng 4/2007, gần một năm rưỡi trước khi đi vào hoạt động, B787 đã nhận được hơn 500 đơn đặt hàng, một kỉ lục khác. Chưa bao giờ trong lịch sử hàng không dân dụng, một máy bay mới lại thành công như vậy.

Trận chiến vẫn khốc liệt

Với 5 năm để sản xuất số máy bay đặt hàng hiện tại, những khách hàng mới sẽ phải đợi rất lâu mới mua được B787. Một tình huống cần được Boeing nghiên cứu thận trọng. Thực ra, Boeing chỉ cần làm thêm một dây chuyền sản xuất thứ hai để giải quyết vấn đề. Giả thiết đặt ra không được chấp thuận do các đối tác sản xuất không thể làm nhanh hơn nhịp độ đã đề ra. Thái độ thận trọng này là do một bài học trong quá khứ. Vào những năm 90, Boeing đã cố gắng sản xuất nhiều máy bay hơn khả năng thực tế và đã dẫn đến thảm họa. Các lãnh đạo

của Boeing không phê phán Airbus một cách công khai, ngay cả khi người ta có thể nghĩ rằng họ rất hài lòng khi thấy A350 khởi đầu không thành công. Việc đi vào hoạt động của A350 vào năm 2013 cho phép B787 đi vào phục vụ một cách yên bình.

Boeing sẽ không thể mất khách hàng với lý do thời hạn giao hàng quá lâu. Một lãnh đạo của Boeing tại Seattle phát biểu "Chúng tôi cũng vậy, chúng tôi cũng có những vấn đề của chúng tôi".

Tuy nhiên, sẽ là sai lầm nếu kết luận rằng cuộc đối đầu Toulouse – Seattle đang dịu lại. Hai đối thủ biết rằng các hãng hàng không luôn đòi hỏi cao hơn, công nghệ tốt hơn, và giá thành hạ hơn.

John Lachy, giám đốc bán hàng của Airbus – người Mỹ có chức vụ cao nhất tại nhà sản xuất máy bay châu Âu nhận định rằng thị phần của hai hãng sẽ chiếm từ 40 đến 60%: "Dĩ nhiên, chúng tôi hi vọng sẽ là người có 60% thị phần." Hiện tại chắc chắn không phải là tình huống này. Những con số thống kê cần được đặt trong hoàn

cảnh đúng. Trong việc sản xuất máy bay, những con số không thể tính toán bởi lượng bán hàng trong 1 tháng hay trong 1 năm.

Một chương trình chế tạo máy bay thành công kéo dài từ 30 đến 40 năm. Việc xuất phát chậm trễ của A350XWB là sự thiếu sót, nhưng chỉ có thế. Nó không nói trước được tương lai lâu dài. Cũng như vậy, bản tổng kết của Airbus năm 2006 với 790 đơn đặt hàng, không chỉ ra sự sụp đổ tài chính nguy hiểm của tập đoàn châu Âu. Boeing trong cùng năm này đã có được 1044 đơn đặt hàng. Như vậy, cần phải xem xét kết quả trong thời gian dài.

Các mặt hàng còn lại của Airbus vẫn bán chạy

Khởi hành chật vật của A350 và sự chậm trễ của A380 không làm lãng quên thành công của các dòng máy bay châu Âu khác. Dòng A320 (4 mẫu từ 107 đến 220 chỗ) đang được bán rất thuận lợi. Xưởng lắp ráp ở Toulouse và Hamburg giao được tổng cộng là 32 máy bay một tháng, và sẽ là 34, 36 trong 2 năm nữa, thậm chí có thể lên đến 40 nếu nhu cầu tiếp tục gia tăng.

Buồng lái Boeing 747





Khoang hành khách của Airbus A380



Khoang hành khách trên Airbus A350

Cùng thời điểm này, máy bay 2 động cơ cỡ lớn A330 tiếp tục thu hút các hãng hàng không lớn. Dòng máy bay 4 động cơ A340 cũng vậy. Hai dòng máy bay này đang được sản xuất với nhịp độ tổng cộng là 7 chiếc 1 tháng, và sắp tới sẽ là 9 chiếc 1 tháng. Nhịp độ sản xuất tăng đáng kể ở tầm trung hạn.

Còn lại là câu hỏi tầm dài hạn: Airbus và Boeing sẽ bán được, từ 10 đến 20 năm tới, bao nhiêu máy bay so với dự đoán? Liệu họ có thể lấy lời từ những chiếc máy bay đòi hỏi đầu tư khổng lồ như 787, 747-8, A350XWB và dĩ nhiên, A380? Những nghiên cứu thị trường được cập nhật không ngừng tại

Toulouse và Seattle rất đáng tin cậy, lấy nguồn từ các hãng chế tạo động cơ lớn như CFM International, General Electric, Pratt & Whitney và Rolls Royce, đồng thời lấy từ những tổ chức hàng không như Tổ chức hàng không dân dụng thế giới (OACI), viện nghiên cứu của Liên Hiệp Quốc và Hội vận chuyển hàng không quốc tế (IATA). Những nghiên cứu đã chỉ ra rằng các hãng hàng không sẽ tăng trưởng bền vững. Và trong vòng 20 năm tới, gần 25.000 máy bay mới sẽ xuất xưởng để đáp ứng nhu cầu và thay thế những mẫu máy bay đã lỗi thời, như vậy là hơn 1.200 máy bay mỗi năm, chưa kể

các máy bay nhỏ hơn 100 chỗ ngồi.

Các lãnh đạo của Airbus và Boeing đã xác nhận những nghiên cứu này. Người châu Âu tin rằng tương lai thuộc về những máy bay cỡ lớn, tầm xa có thể chuyên chở trên 500 hành khách: đó là Airbus A380. Trong khi người Mỹ lại tin vào việc sẽ có nhiều đường bay mới, cần đến những máy bay từ 250 đến 300 chỗ ngồi: đó là Boeing 787.

Theo các chuyên gia, tổng doanh thu ngành hàng không thế giới sẽ tăng từ 449 tỉ đô-la vào năm 2006 lên 489 tỉ đô-la vào năm 2008 (theo IATA), một sự tiến bộ đáng khích lệ.

Dưới cái nhìn của Airbus và Boeing, thị trường biến đổi sâu sắc hơn và phức tạp hơn cái nhìn ban đầu. Những hãng hàng không giá rẻ chiếm tới 28% đơn đặt hàng. Phần khúc thị trường này thuộc về những họ máy bay từ 150 đến 180 chỗ ngồi – đó là A320 và B737. Các hãng máy bay này thường ki hàng chục máy bay một lúc. Đó là trường hợp của Southwest Airlines, Jetblue Airways ở Mỹ, và Ryanair, EasyJet, Air Berlin ở châu Âu.

Không nên khẳng định trước thành công của A320 và B737. Trận chiến Airbus – Boeing đang bước vào một giai đoạn mới. Cả hai đều sở hữu công nghệ giống nhau, và đều phụ thuộc vào các ý tưởng cải tiến của các hãng sản xuất động cơ, và những hãng sản xuất vật liệu composite. Dù vậy, câu hỏi vẫn chưa được đặt ra vì liên tục có những đơn đặt hàng A320 và B737. Ông Jean-Paul Béchat, Tổng giám đốc của Safran, công ty mẹ của Snecma phát biểu rất thực tế: “Chúng tôi chưa cần phải nghiên cứu những mẫu máy bay mới. Đây không phải là ngành thời trang. Các sản phẩm máy bay hiện tại chưa hề lỗi thời.”

*Theo báo Khoa học và đời sống
Trọng Nghĩa (lược dịch)*

Chỉ số thuận lợi kinh doanh - EDBI

Ease of Doing Business Index - EDBI - là chỉ số đo mức độ dễ dàng hay thuận lợi trong thực hiện kinh doanh, được đưa ra bởi Ngân hàng Thế giới - World Bank.

Thứ hạng càng cao chỉ ra rằng: các quy định cho các doanh nghiệp càng tốt, càng đơn giản, và các bảo vệ cho các quyền sở hữu càng mạnh. Nghiên cứu cho thấy tác dụng của việc cải tiến những quy định đối với sự tăng trưởng của nền kinh tế là rất rõ.

Phương pháp và giải thích

Chỉ số dựa trên nghiên cứu về các điều luật và các quy định với khảo sát đầu vào và xác nhận bởi trên 3500 công chức chính phủ, các tư vấn viên doanh nghiệp, các kế toán viên cùng các chuyên gia khác.

EDBI đo các quy định ảnh hưởng trực tiếp lên các doanh nghiệp, và có giới hạn về phạm vi nghiên cứu khi không đo trực tiếp các điều kiện chung như sự tiệm cận của một quốc gia với các thị trường lớn, chất lượng các dịch vụ cơ sở hạ tầng, lạm phát hay tội phạm, v.v (giới hạn này sẽ dần được cải thiện từ năm 2007).



Thứ hạng của một quốc gia được tính dựa trên trung bình của 10 chỉ số thành phần:

1. Khởi sự doanh nghiệp: yếu tố này chỉ ra các hàng rào hành chính mà người mở doanh nghiệp phải vượt qua để thành lập và đăng ký một công ty mới, bao gồm: các thủ tục cần thiết để mở công ty, thời gian trung bình cho mỗi thủ tục, chi phí cho mỗi thủ tục, và vốn tối thiểu theo tỷ lệ phần trăm của thu nhập quốc dân (GNI) theo đầu người.
2. Đăng ký giấy phép: chỉ ra các thủ tục, thời gian, các chi phí xây dựng cửa hàng, bao gồm việc lấy giấy đăng ký, giấy phép, hoàn tất các khai báo và thanh tra, và có được các giao thiệp hữu ích.
3. Tuyển dụng nhân công: yếu tố cho biết mức độ linh hoạt của các quy định về lao động, khi xem xét khó khăn trong việc tuyển dụng nhân công mới, các giới hạn khi tăng thêm hoặc giao ước số giờ làm, các chi phí ngoài lương khi thuê nhân công, và các khó khăn lẫn chi phí khi sa thải nhân công.
4. Đăng ký tài sản: chỉ ra các thủ tục, thời gian và chi phí khi đăng ký tài sản, giá thiết tài sản đó là bất động sản thương mại mà người mở doanh nghiệp có trên thực tế.
5. Lấy tín dụng: yếu tố này xem xét việc đăng ký thông tin tín dụng với các quy tắc ảnh hưởng tới phạm vi, quyền truy cập, chất lượng của thông tin tín dụng, và tính hiệu quả của các luật bổ sung cùng các luật phá sản giúp việc cho vay trở nên thuận tiện.
6. Bảo vệ các nhà đầu tư: chỉ ra khả năng bảo vệ một số ít những người nắm cổ phần tránh sự lạm dụng tài sản đoàn thể bởi những người điều hành vì những lợi ích riêng.
7. Đóng thuế: chỉ ra các khoản thuế và các đóng góp bắt buộc mà một công ty cỡ trung bình phải trả (hoặc từ chối trả) trong một năm cho trước, cũng như gánh nặng hành chính trong việc đóng thuế.
8. Buôn bán qua biên giới: chỉ ra các yêu cầu cho việc xuất khẩu và nhập khẩu một thứ hàng hoá tiêu chuẩn, bao gồm số các tư liệu cần thiết để xuất/nhập hàng hoá, thời gian cần thiết để thực hiện tất cả các thủ tục cho việc xuất/nhập hàng hoá, và chi phí có liên quan tới tất cả các thủ tục cho việc xuất/nhập hàng hoá.
9. Thực hiện các hợp đồng: chỉ số thành phần này xem xét tính hiệu quả của hệ thống luật pháp trong việc giải quyết các tranh chấp thương mại, thực thi hợp đồng, bằng cách dõi theo sự tiến triển của cuộc tranh chấp xung quanh việc bán hàng hoá, và dõi theo thời gian, chi phí và số các thủ tục bao hàm từ thời điểm người đứng kiện đệ đơn kiện cho đến khi có thanh toán thực.
10. Đóng doanh nghiệp: chỉ ra những yếu kém trong luật phá sản và các ách tắc hành chính trong việc tổ tụng phá sản, bao gồm thời gian trung bình để hoàn tất thủ tục, chi phí của vụ kiện phá sản, và tỷ lệ hồi phục, được tính bằng số cent trên dollar mà những người đứng kiện (chủ nợ, sở thuế, nhân công) lấy lại được từ công ty phá sản.

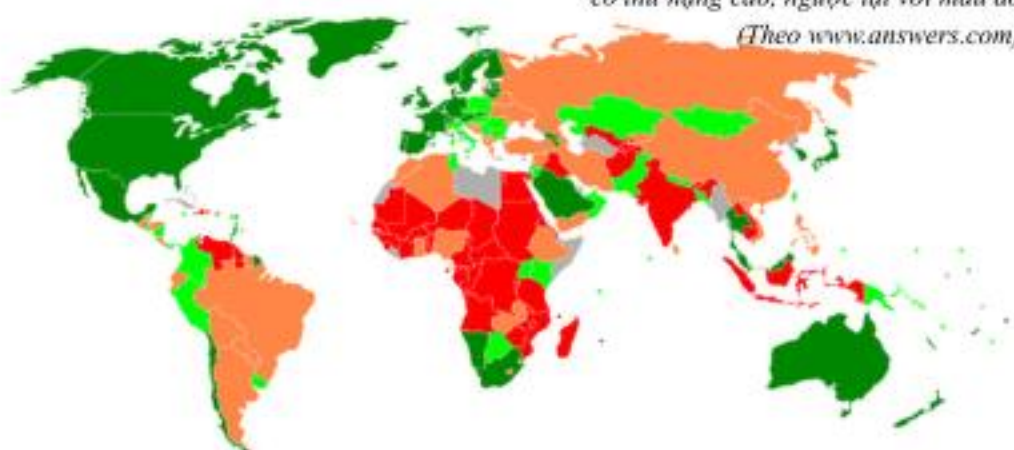
Nghiên cứu và ảnh hưởng

Rất nhiều tư liệu về kinh doanh (trong đó có các điều luật kinh doanh) của các quốc gia được thu thập, nghiên cứu và tổng hợp để lập nên bảng xếp hạng EDBI. Việc nghiên cứu bao hàm các tác động hay ảnh hưởng của việc cải tiến các điều luật kinh doanh lên sự tăng trưởng kinh tế. World Bank tổng hợp và nghiên cứu số liệu về EDBI từ năm 2003. Song đến năm 2005 mới bắt đầu đưa ra bảng xếp hạng EDBI các nền kinh tế thế giới. Ngay từ khởi điểm năm 2005, đã có 175 nền kinh tế được xếp hạng.

Các chỉ số thành phần cho thấy các gợi ý cụ thể trong việc cải thiện EDBI. Nhiều chỉ số thành phần được đặt chỉ tiêu bởi một số các quốc gia, sao cho đạt tới một thứ hạng nhất định, ví dụ: top 20. Năm 2005, có 213 cải cách bộ phận của 112 nền kinh tế, trong đó có Đức, Pháp, Trung Quốc, Peru, v.v. Đi ngược với chiều hướng cải cách là một số quốc gia như Hungary, Venezuela và Đông Timor, v.v.

Các tương quan giữa các chỉ số thành phần là nhỏ. Một quốc gia ghi điểm cao ở chỉ số thành phần "Khởi sự doanh nghiệp" có thể đạt điểm thấp ở chỉ số thành phần "Tuyển dụng nhân công". Điều đó gợi ý rằng: các quốc gia hiếm khi ghi điểm hầu hết là cao hoặc hầu hết là thấp ở các chỉ số thành phần. Nói cách khác, thường có nhiều khả năng cho các cải cách bộ phận, ngay cả với các quốc gia có thứ hạng tốt nhất.

World map chỉ số EDBI: màu xanh lá cây chỉ ra các quốc gia có thứ hạng cao, ngược lại với màu đỏ (Theo www.answers.com)



Các tương quan giữa các chỉ số thành phần là nhỏ. Một quốc gia ghi điểm cao ở chỉ số thành phần “Khởi sự doanh nghiệp” có thể đạt điểm thấp ở chỉ số thành phần “Tuyển dụng nhân công”. Điều đó gợi ý rằng: các quốc gia hiếm khi ghi điểm hầu hết là cao hoặc hầu hết là thấp ở các chỉ số thành phần. Nói cách khác, thường có nhiều khả năng cho các cải cách bộ phận, ngay cả với các quốc gia có thứ hạng tốt nhất.

Ngoài EDBI, một số chỉ số khác có các điểm giống với EDBI là chỉ số tự do kinh tế (Index of Economic Freedom - IEF) và chỉ số cạnh tranh toàn cầu (Global Competitiveness Index - GPI). Bên cạnh các điểm tương đồng với EDBI, các chỉ số này có nhiều hơn các yếu tố ảnh hưởng đến sự tăng trưởng kinh tế như lạm phát và cơ sở hạ tầng.

Xếp hạng EDBI năm 2006

Cũng như năm 2005, bảng xếp hạng EDBI năm 2006 gồm 175 nền kinh tế. Dữ liệu xếp hạng từ tháng 4 năm 2006 tiếp tục được sử dụng cho EDBI năm 2007 (song về phương thức xếp hạng, EDBI 2007 có sự cải tiến. EDBI 2007 sẽ được đưa ra trong thời gian tới).

Trong bảng xếp hạng, ngoài chỉ số tổng hợp, các chỉ số thành phần cũng được xếp hạng cho các quốc gia. Ví dụ Australia đứng thứ 8 ở chỉ số tổng hợp, đứng thứ 2 ở chỉ số thành phần “Khởi sự doanh nghiệp”, đứng thứ 29 ở chỉ số thành phần “Đăng ký giấy phép”, v.v.

Dẫn đầu bảng xếp hạng là Singapore, tiếp theo là New Zealand. Hai thứ hạng này được hoán đổi giữa Singapore và New Zealand từ năm 2005 qua năm 2006. Cũng như vậy với trường hợp của Hồng Kông và United Kingdom hay Australia và Na Uy (các con số trong ngoặc là thứ hạng năm 2005). Các nước khác trong top 10 vẫn giữ nguyên vị trí.

Nền kinh tế	Thứ hạng	Khởi sự DN	Đăng ký GP	Tuyển dụng	Đăng ký TS	Lấy tín dụng	Bảo vệ NĐT	Đóng thuế	Buôn bán qua BG	Thực hiện HD	Đóng DN
Singapore	1 (2)	11	8	3	12	7	2	8	4	23	2
New Zealand	2 (1)	3	18	10	1	3	1	10	12	15	21
Hoa Kỳ	3	3	22	1	10	7	5	62	11	6	16
Canada	4	1	32	13	22	7	5	22	8	16	5
Hồng Kông	5 (6)	5	64	16	60	2	3	5	1	10	14
United Kingdom	6 (5)	9	46	17	19	1	9	12	14	22	10
Đan Mạch	7	14	6	15	36	13	19	15	3	1	20
Australia	8 (9)	2	29	9	27	3	46	35	23	7	12
Na Uy	9 (8)	21	14	109	6	33	15	16	5	3	3
Ireland	10	6	20	83	80	7	5	2	30	24	7
Nhật Bản	11 (12)	18	2	36	39	13	12	98	19	5	1

Các nước dẫn đầu bảng xếp hạng EDBI – 2006.

Trong 11 nước Asean, hai nước Brunei và Myanmar không có xếp hạng EDBI, Việt Nam đứng thứ 104/175, sau Singapore, Thái Lan và Malaysia. Thứ hạng này giảm 6 bậc so với thứ hạng năm 2005 là 98/175. Đông Timor dẫn cuối các nước Asean với thứ hạng 174/175.

Xếp hạng EDBI của Việt Nam và các nước Asean. Các con số tô màu đỏ được sử dụng trong các bảng dưới.

Nền kinh tế	Thứ hạng	Khởi sự DN	Đăng ký GP	Tuyển dụng	Đăng ký TS	Lấy tín dụng	Bảo vệ NĐT	Đóng thuế	Buôn bán qua BG	Thực hiện HD	Đóng DN
Singapore	1	11	8	3	12	7	2	8	4	23	2
Thái Lan	18	28	3	46	18	33	33	57	103	44	38
Malaysia	25	71	137	38	66	3	4	49	46	81	51
Việt Nam	104	97	25	104	34	83	170	120	75	94	116
Philippines	126	108	113	118	98	101	151	106	63	59	147
Indonesia	135	161	131	140	120	83	60	133	60	145	136
Campuchia	143	159	159	124	100	174	60	16	114	118	151
Lào	159	73	130	71	148	173	170	36	161	146	151
Đông Timor	174	160	173	115	172	159	142	124	73	175	151

Điểm qua một vài chỉ số thành phần

Khởi sự doanh nghiệp. Canada đứng thứ nhất ở chỉ số thành phần “Khởi sự doanh nghiệp”. Để mở một doanh nghiệp tại Canada, bạn chỉ cần thực hiện 2 thủ tục, trong vòng trung bình 3 ngày, chi phí điều lệ là 0.9% GNI theo đầu người, và không yêu cầu vốn tối thiểu.

Thái Lan xếp thứ 28 ở cùng hạng mục với 8 thủ tục cần thực hiện trong vòng 33 ngày, chi phí điều lệ 5.5% GNI/người, và không yêu cầu vốn tối thiểu.

Còn tại Việt Nam, bạn cần thực hiện 11 thủ tục, trong vòng thời gian trung bình 50 ngày, với chi phí điều lệ là 44.5% GNI/người, và cũng không yêu cầu vốn tối thiểu.

Guinea Bissau, một nước Tây Phi, đứng cuối bảng (thứ 175) với số thủ tục là 17, thời gian thực hiện trung bình 233 ngày, vốn điều lệ 261.2% GNI/người và vốn tối thiểu được yêu cầu lên đến 1,028.9% GNI/người.

Khởi sự doanh nghiệp	Canada (1)	Thái Lan (28)	Việt Nam (97)	Indonesia (161)
Số các thủ tục	2	8	11	12
Thời gian hoàn tất (ngày)	3	33	50	97
Phí điều lệ (% GNI/người)	0.9	5.5	44.5	86.7
Vốn tối thiểu (% GNI/người)	0.0	0.0	0.0	83.4

Đăng ký giấy phép. Việt Nam đứng thứ 25 trong hạng mục này, thứ hạng cao nhất của Việt Nam trong số 10 hạng mục EDBI. Nước láng giềng Campuchia đứng gần cuối bảng với thứ hạng 159/175.

Đóng thuế. So với các nước Asean, Việt Nam chỉ đứng trên Đông Timor và Indonesia ở hạng mục “Đóng thuế”.

Đăng ký giấy phép	Nhật Bản (2)	Đan Mạch (6)	Việt Nam (25)	Campuchia (159)
Số các thủ tục	11	7	14	28
Thời gian hoàn tất (ngày)	96	70	133	181
Phí điều lệ (% GNI/người)	19.8	67.8	56.4	1,640.5

Thứ hạng thấp nhất thuộc về Belarus với 125 khoản thanh toán, 1,188 giờ thực hiện trung bình, 4.2% thuế lợi nhuận, 45.3% thuế lao động và đóng góp, 136.5% các khoản thuế khác, và cuối cùng là 186.1% tổng tỷ lệ thuế trên lợi nhuận.

Đóng thuế	Hồng Kông (5)	Singapore (8)	Việt Nam (120)	Indonesia (133)
Số các khoản chi trả	4	16	32	52
Thời gian chi trả (giờ)	80	30	1,050	576
Thuế lợi nhuận (%)	23.0	12.0	21.6	25.2
Thuế lao động và đóng góp	5.4	14.8	19.7	11.3
Các thuế khác (%)	4.0	2.0	0.2	0.6
Tổng tỷ lệ thuế (% lợi nhuận)	28.8	28.8	41.6	37.2

cấp phép xây dựng đã nhanh hơn, còn 113 ngày so với 143 ngày trước đây. Chi phí cấp phép kinh doanh cũng giảm từ 64,1% xuống còn 56,4% tổng thu nhập trên đầu người. (*). Tuy nhiên, với vị trí 104/175 trong bảng tổng sắp EDBI năm 2006, Việt Nam cần có những cải cách mạnh mẽ hơn nữa để tạo được môi trường kinh doanh thực sự thuận lợi và hiệu quả cho các doanh nghiệp làm ăn. Từ đó, các doanh nghiệp mới có thể phát huy tối đa khả năng và đóng góp tối đa những lợi ích mang lại cho nền kinh tế đất nước!

(*) Trích từ trang của Bộ tài chính

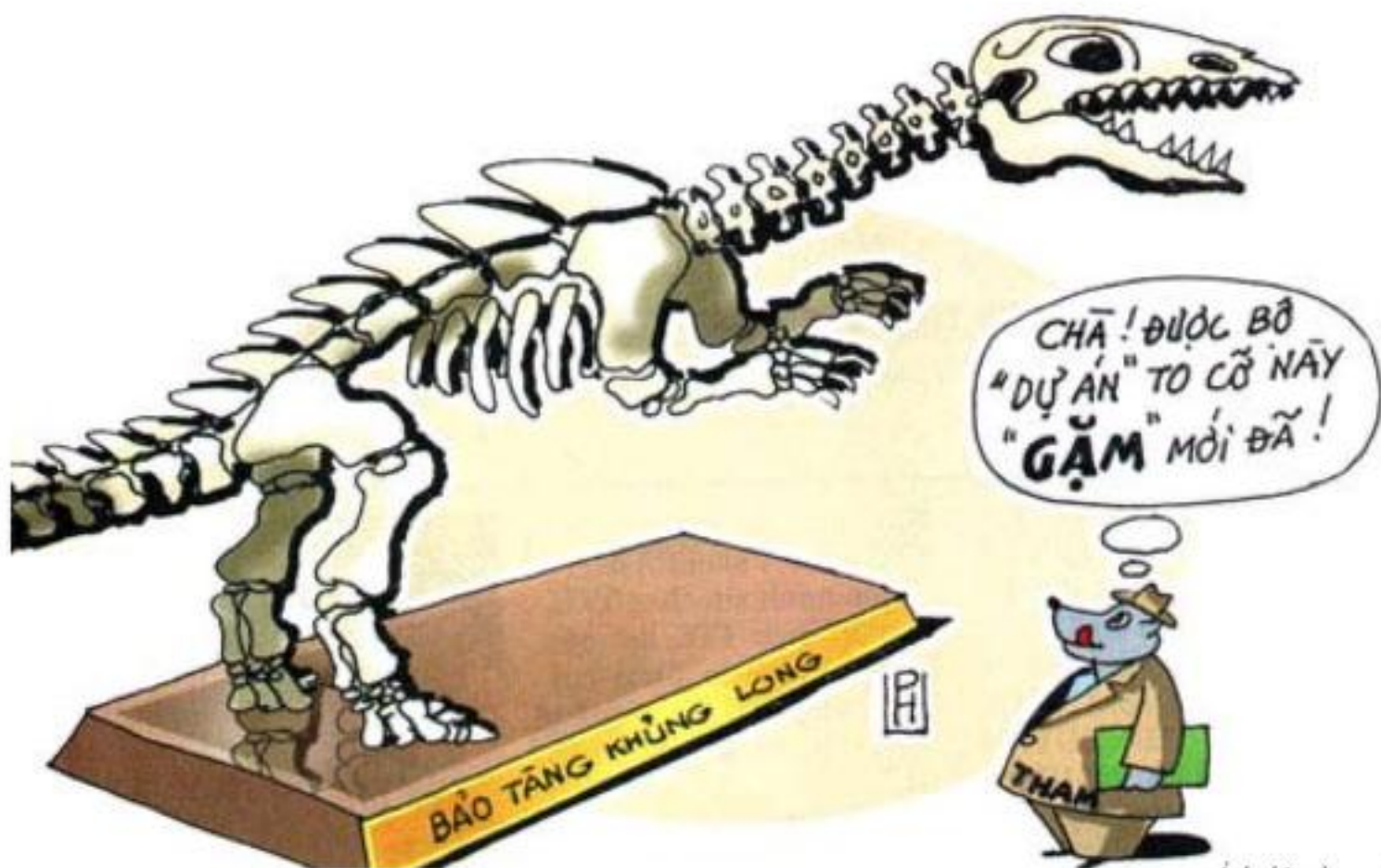
Tổng hợp từ:

1.<http://www.doingbusiness.org>

2.<http://www.answers.com/topic/ease-of-doing-business-index>

3.<http://www.mof.gov.vn/Default.aspx?tabid=612&ItemID=362>

Minh Anh



Ảnh: biemhoa.net

“Kiềng ba chân” chống tham những!

Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng ngay trong phiên họp chính phủ đầu tiên sau khi tái đắc cử lại đề cập đến vấn đề chống tham nhũng. Ông nói: “công tác phòng chống tham nhũng phải được tiếp tục làm quyết liệt từ trung ương đến địa phương” (Tuổi Trẻ 28-7).

Cách nói của người đứng đầu chính phủ khiến người dân có thể có những cảm nhận khác nhau, nhưng tựu chung lại, vẫn nạn tham nhũng vẫn là một trọng tâm trong chương trình hành động của cả nhân thủ tướng và chính phủ.

Những biện pháp như: rà soát, chấn chỉnh cơ chế, thủ tục, đưa các vụ án trọng điểm ra xét xử... không mới, nhưng được nhắc lại như một biện pháp cấp thời.

Một số vụ án trọng điểm gần đây đang được xét xử như: vụ Nguyễn Lâm Thái lừa hàng loạt bưu điện, vụ Nguyễn Đức Chi lập dự án ma ở Khánh Hòa, vụ Bùi Tiến Dũng... cho đến nay vẫn chưa làm hài lòng người dân, đặc biệt những người quan tâm đến tham nhũng và sự độc lập của ngành tư pháp. Sự chuyển biến của chiến dịch chống tham nhũng vẫn chưa theo kịp, hay nói đúng hơn,

vẫn chưa đáp ứng được mong muốn của người dân, chưa tạo được niềm tin rằng: chính phủ đang thực tâm chống tham nhũng.

Đặc biệt, quan điểm về phòng chống tham nhũng trong nhân dân vẫn chưa được đẩy mạnh. Sự tách bạch giữa quyền lợi chung và lợi ích tư vẫn chưa bao giờ trở thành một thiết chế, và một tiêu chuẩn cho hành động của công chức. Điều này có thể thấy được ngay trong cuộc thăm dò trên cổng thông tin chống tham nhũng của Thanh tra chính phủ. Câu hỏi: “Nếu bạn là công chức nhà nước, khi nhận được món quà trị giá trên 500 ngàn bạn sẽ...” thì có tới 43,1% độc giả trả lời rằng: “nhận món quà đó mà không nói với ai”. (<http://chongthamnhung.thanhtra.gov.vn>)

Điều đó cho thấy: ý thức về phòng chống tham nhũng trong cán bộ công chức và nhân dân chưa thể tương đồng với những lời kêu gọi hay những ý kiến phát biểu về chống tham nhũng được nêu trên công luận. Vậy phải chăng tham nhũng không thể có thuốc chữa? Nếu nhìn nhận trên bình diện thế giới, thì tham nhũng là một vấn nạn chung,



Ảnh: biemhoa.net

Chỉ có điều ở mỗi quốc gia, mức độ tham nhũng sẽ khác nhau. Thực tế ở VN, tham nhũng đang là nhân tố cản trở lớn nhất đối với sự phát triển kinh tế-xã hội. Nhận diện nguyên nhân tham nhũng đã được tiến hành bằng nhiều phương cách. Và nguyên nhân ấy có thể quy thành ba loại chủ yếu: lòng tham, kẻ hở của pháp luật, và sự nghiêm minh của pháp luật.

Không thể phủ nhận, lòng tham, thực thể sinh học - xã hội, đặc điểm tự nhiên của con người, đến nay vẫn chưa thể chế ngự. Thực tế

cho thấy, chúng ta đã có những quy phạm đạo đức nhằm điều chỉnh đặc điểm tự nhiên này, nhưng cho đến nay, vẫn chưa phát huy tính hiệu quả.

Chính lòng tham là nhân tố tự nhiên chi phối các hành vi tham nhũng. Chúng ta phải chân nhận với nhau rằng: những biện pháp giáo dục tư tưởng, đạo đức... để chống tham nhũng hiện nay không có hiệu quả. Vậy, chỉ còn một phương hướng để chống tham nhũng: đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Tuy nhiên, pháp luật, dù ở những

nước đã xây dựng thành công nhà nước pháp quyền thì những kẻ hở trong luật pháp vẫn tồn tại. Bởi xã hội trong quá trình phát triển của mình vẫn luôn nảy sinh những vấn đề mới, những khía cạnh mới nằm ngoài sự chi phối của pháp luật. Cho nên, công tác lập pháp cần phải được coi trọng và tiến hành thường xuyên.

Về công cụ pháp luật và hành chính chống tham nhũng, đến nay có thể nói chúng ta đã hoàn chỉnh được nhiều công đoạn quan trọng: đã có luật phòng chống tham nhũng, luật thực hành tiết kiệm, thành lập Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng... Vậy, vì sao tham nhũng vẫn hoành hành, vẫn không giảm? Có lẽ vấn đề nằm ở tính nghiêm minh của pháp luật.

Thực tế thì tính nghiêm minh của pháp luật ở ta đã không được thực hiện nghiêm chỉnh. Ở một bộ phận lớn cán bộ, đặc biệt là cán bộ cao cấp, khi bị phát hiện tham nhũng, họ đã không bị xử lý, hoặc không thể xử lý, hoặc không được xử lý tới nơi tới chốn. Phải chăng vẫn còn có những bộ phận đứng trên pháp luật, còn có những vùng cấm?

Nhiều vụ tiêu cực báo chí phải dừng lại khi bắt đầu cảm thấy... đụng chạm (như vụ tiền polymer). Nhiều vụ việc cơ quan tư pháp xử lý theo kiểu "đũa dai quả cứng" (như vụ tham nhũng đất đai tại Hải Phòng, phiên tòa sơ thẩm chỉ tuyên phạt mỗi bị cáo nộp phạt 50.000đ)...

Trong khi tính nghiêm minh của luật pháp đòi hỏi mọi cá nhân, tổ chức phải bị chế tài dù họ "là ai, ở bất cứ cương vị nào".

Như vậy, về lâu dài, cần phải có một giải pháp tổng thể phòng - chống tham nhũng. Biện pháp giáo dục tư tưởng, đạo đức... để hạn chế, và tiến tới chế ngự lòng tham.

Thế nhưng, đối với một quốc gia, có lẽ yếu tố quan trọng nhất là xây dựng nhà nước pháp quyền, để sao cho mỗi "công bộc của dân" không cần, không dám và không thể tham nhũng.

Điểm mấu chốt trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền chính là thượng tôn pháp luật, đưa mọi cá nhân, tổ chức, hội đoàn, đảng phái... vào quỹ đạo chi phối của pháp luật. Là đảng hiện đang cầm quyền, Đảng Cộng sản (ĐCS) VN là chủ thể đầu tiên cần phải nhìn nhận tính tất yếu này. Nói khác

Sự độc quyền hay độc tôn bao giờ cũng không tốt cho phát triển. Sự thật là nhiều năm nay, ĐCS VN luôn tự giành cho mình cái quyền được đại diện cho nhân dân, là lực lượng tiên phong, là lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội. Sự thật là: vai trò lãnh đạo ấy đã được đảm bảo chủ yếu bằng những lực

của bất cứ đảng phái nào, nếu được phép tồn tại và hoạt động ở VN phải được điều chỉnh, phải được cụ thể hóa bằng hệ thống văn bản pháp quy, phải được luật hóa... Nhưng trên hết, cái khái niệm lãnh đạo cần phải được hiểu là phục vụ, chứ không phải là làm chủ.



Ảnh: biemhoa.net

đi, cần phải nhận thức hơn nữa để giải quyết những bất cập trong mối quan hệ giữa đảng và nhà nước, để tránh được những khoảng trống quyền lực, khoảng trống giữa những cơ quan bảo vệ pháp luật như: Công an, Tòa án, Viện kiểm sát...

Hệ thống chính trị của ta, với những quan hệ chông chéo giữa Đảng và Nhà nước, Quốc hội, Tòa án, Viện Kiểm sát... đang đặt ra những yêu cầu về đổi mới. Sự hài hòa giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị đang là nhiệm vụ trọng tâm của đất nước trong thời kỳ hội nhập. Yêu cầu của sự hài hòa đòi hỏi sự đổi mới phải tập trung vào bản chất chứ không phải hiện tượng. Sự lãnh đạo của đảng, nếu thực sự cần thiết, phải được đổi mới về nội dung, chứ không phải về phương thức như nhiều lãnh đạo hiện nay phát biểu.

lượng như: công an, quân đội và một mạng lưới an ninh dày đặc... Người dân chưa bao giờ, và dường như ĐCS VN cũng không muốn, được tham gia quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước cách thực sự.

Xét cho đến cùng, việc đổi mới bản chất lãnh đạo của ĐCS VN có lẽ không quan trọng bằng việc phải tạo ra một đối trọng với ĐCS VN. Điều này thật ra không hề mâu thuẫn với phát triển hay nguyện vọng của nhân dân (bởi lẽ nhân dân chưa bao giờ thực sự được hỏi ý kiến về vấn đề này), trái lại, nó còn phù hợp nguyên lý mâu thuẫn để phát triển của chủ nghĩa Mác-Lênin mà ĐCS VN luôn lấy làm kim chỉ nam. Xem ra, điều này cần đến dũng khí của ĐCS VN và sự quyết tâm của nhân dân. Hơn nữa, những nội dung và phạm vi lãnh đạo của ĐCS VN, hay

Như vậy, ba nhiệm vụ trọng tâm: phòng chống tham nhũng, xây dựng nhà nước pháp quyền, đổi mới và thể chế hóa nội dung lãnh đạo của đảng cầm quyền có thể coi là ba chân kiềng cho sự phát triển bền vững của đất nước, có quan hệ biện chứng với nhau, nhằm đẩy lùi tham nhũng khỏi đời sống xã hội.

Không thể chống tham nhũng nếu không xây dựng được nhà nước pháp quyền thực sự, hiệu quả; không thể xây dựng nhà nước pháp quyền nếu những quan hệ chính trị chông chéo giữa đảng cầm quyền, nhà nước, quốc hội, tư pháp... không được sửa đổi, nếu nội dung lãnh đạo của đảng cầm quyền không được đổi mới. Xem ra, quá trình này cần nhiều sự dũng cảm và quyết tâm.

Thành Luận



Chân dung người
lính trẻ canh giữ
Thiên An Môn.
Sau lưng ảnh là
ảnh chủ tịch Mao
Trạch Đông

CHÍNH TRỊ HỌC TRONG SỰ TĂNG TRƯỞNG CỦA TRUNG QUỐC

Tạp chí Phía Trước xin giới thiệu đến bạn đọc một bài phân tích rất sâu sắc của tác giả Trương Quân, giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Trung Quốc, Trường Đại học Phúc Đán - Thượng Hải.

Những bản tin liên tiếp trong mấy ngày gần đây về việc nông dân Ấn Độ phản đối kế hoạch xây dựng các đặc khu kinh tế gây cho tôi sự chú ý và hứng thú đặc biệt. Trước đây, tôi vẫn thấy một số nhà kinh tế viết trong các bài viết của họ rằng chính phủ Ấn Độ đang cố gắng áp dụng và nhân rộng mô hình đặc khu kinh tế của Trung Quốc, đồng thời có 270 phương án về việc xây dựng đặc khu đã được chuyển lên chính quyền liên bang. Điều thú vị là trọng tâm của các bài viết đó khi bàn đến kế hoạch thiết lập các đặc khu đều tập trung vào khía cạnh liệu kế hoạch thành lập có nhận được sự đồng thuận ở chính quyền trung ương hay không, mà ít có học giả nào dự liệu được kết quả ngày hôm nay. Chẳng hạn như khi tôi ở Singapore tham dự một hội thảo bàn về vấn đề chuyển đổi của các quốc gia Nam Á, có một nhà kinh tế Ấn Độ đã nói với tôi không chút ngại ngùng rằng kế hoạch xây dựng các đặc khu kinh tế ở nước ông gần như là bất khả thi, nguyên do bởi kế hoạch đó sẽ không nhận được sự hậu

thuân về mặt chính trị.

Vì lý do gì mà kế hoạch lại vấp phải những trở ngại về mặt chính trị? Tôi nghĩ, nhiều nhà kinh tế sẽ cho rằng đó là bởi vì trong hệ thống chính trị của Ấn Độ hiện nay không thể tìm được những tổ chức chính trị hoặc tập đoàn lợi ích ủng hộ kế hoạch này. Chẳng hạn, Bộ tài chính vì lo thuế thu sụt giảm nên sẽ không đồng tình; phía công đoàn chắc chắn cũng sẽ phản đối vì các doanh nghiệp hoặc nhà đầu tư trong đặc khu kinh tế không cần tuân thủ những quy định về tiền lương tối thiểu. Nhưng xét theo tình hình hiện nay, những lo lắng này đều là thừa. Thực tế cho thấy những thảo luận trong chính quyền liên bang và nghị viện về việc thành lập đặc khu kinh tế diễn ra khá suôn sẻ và tiến triển thuận lợi. Nhưng điều làm các nhà kinh tế cảm thấy khó hiểu là kế hoạch không gặp trở ngại từ phía chính phủ mà lại vấp phải sự phản đối từ phía nông dân ở các tỉnh nghèo của đất nước này. Hai tuần trước, khi tôi tham dự một hội nghị quốc tế ở Washington D.C. giáo sư Sachs cũng có nhắc đến sự kiện này. Ông nói rằng, hầu như chẳng có nhà kinh tế nào có thể dự đoán được rằng kế hoạch xây dựng đặc khu kinh tế

của Ấn Độ sẽ vấp phải sự chống đối từ phía nông dân. Tuy nhiên, ông lại tìm câu trả lời để giải thích cho sự kiện này bằng những lý do liên quan đến ý thức về môi trường. Cụ thể là, ông cho rằng ý thức mạnh mẽ của cộng đồng trước việc môi trường ngày càng xấu đi cũng như trong việc bảo vệ môi trường sẽ là một trở ngại thực sự cho nhiều quốc gia trong quá trình cất cánh. Mà những vấn đề này thường không xuất hiện với tư cách một biến số trong mô hình mà các nhà kinh tế học dựng nên.

Tuy nhiên, điều khiến tôi thấy hào hứng hơn cả lại là một vấn đề có liên quan đến thể chế chính trị. Chỉ cần nhắc đến thể chế chính trị hoặc hệ thống hành chính công (của

Trung Quốc) thì giới học thuật trước

kia đều gần như trung thành với một quan điểm chung là: so với Ấn Độ, Trung Quốc đã luôn duy trì được một ưu thế trong lĩnh vực chính trị để làm bệ phóng cho cải cách và tăng trưởng kinh tế. Nếu như nền chính trị dân chủ theo mô hình Ấn Độ càng khó khăn và đòi hỏi nhiều thời gian (để đi đến thành công), hệ quả là làm giảm tính hiệu quả của các quyết sách bao nhiêu, thì thể chế chính trị của Trung Quốc lại có một ưu điểm nổi trội, đó là nó đẩy nhanh quá trình định hình và cố kết của các nhận thức chung (sự đồng thuận, sự nhất trí với một vấn đề/chính sách nào đó - ND) bấy nhiêu. Nhờ đó, các chính sách của Trung Quốc cũng nhanh chóng được thực thi và phát huy tác dụng. Đây chính là quan điểm của các nhà kinh tế Trung Quốc. Nhưng tôi cho rằng cách nhìn nhận này chưa hẳn đã chuẩn xác. Bởi lẽ, trong 10 năm đầu thực hiện chính sách cải cách mở cửa (tức giai đoạn 1978-1987 - ND), thậm chí cho đến đầu những năm 90 của thế kỷ trước, Trung Quốc vẫn liên tục vấp phải những trở lực về mặt chính trị đến từ nội bộ đảng chấp chính. Những trở lực này cộng thêm sức mạnh chính trị của phe cánh tả không chỉ tồn tại một cách thường trực mà còn không bị suy yếu khi cải cách kinh tế đã đạt được những biến chuyển nhất định. Tôi nghĩ, các nhà kinh tế học Trung Quốc khi giải thích về thành công của Trung Quốc trong quá trình tự do hóa nền kinh tế đã đánh giá thấp những trở lực này, nên mới có xu hướng nhận định như trên.

Chỉ khi nào nhìn thấy được những trở lực hoặc những mâu thuẫn trong nội bộ đảng cầm quyền thì chúng ta mới có thể hiểu một cách thấu đáo và chính xác về quỹ đạo phát triển và diễn biến của thể chế chính trị Trung Quốc. Đây chính

là quan điểm mà tôi đã trình bày tại cuộc hội thảo khoa học tổ chức ở Đại học Nottingham (Anh) hồi tuần trước. Quan điểm này hiển nhiên đã nhận được sự quan tâm đặc biệt của thính giả (sau đó rất nhiều người đã hỏi xin tôi bản toàn văn). Điều mà tôi nhấn mạnh trong bài viết đó là, kể từ thập niên 80 đến nay, nếu chúng ta chú ý đến những trở lực xuất hiện trong nội bộ đảng cầm quyền của Trung Quốc thì chúng ta có thể hiểu được thể chế chính trị của quốc gia này đã phản ứng và đưa ra những điều chỉnh như thế nào trước những vấn đề kinh tế - xã hội mà công cuộc cải cách kinh tế đưa đến. Một thể chế chính trị diễn

biến như vậy, tôi cho rằng, trên thực tế đã mang đặc trưng của «thị trường có khả năng cạnh tranh» (contestable markets) của kinh tế học. Một số nhà kinh tế học cho rằng thể chế của Trung Quốc mang trong mình nó đặc tính «có thể tái tạo» khó có thể giải thích được. Mà đặc tính «có thể tái tạo» này chỉ có thể được hiểu một cách thấu triệt từ «tính có khả năng cạnh tranh» của thể chế chính trị.

Kể từ sau năm 1989 (năm xảy ra sự kiện Thiên An Môn - ND), những tích trong sự tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc phần lớn bắt nguồn từ những thành công trong sự chuyển đổi về mặt chính trị. Đặc trưng nổi trội nhất của quá trình chuyển đổi về mặt chính trị của Trung Quốc là nó đã thấm nạp và vận dụng một cách nhuần nhuyễn các mô hình của quản trị doanh nghiệp (corporate governance - ND) vào quản trị chính phủ và hệ thống quản lý hành chính công. Mô thức quản trị về mặt chính trị

này tất nhiên có nhiều ưu điểm, đặc biệt là

khi nền kinh tế đòi hỏi tăng tốc và trong thời kỳ tăng trưởng kinh tế được đưa lên thành nhiệm vụ hàng đầu; bởi lẽ mô hình quản trị này đảm bảo cho mục tiêu tăng trưởng được duy trì và hiện thực hóa.

Một loạt nhà kinh tế và chính trị khi nghiên cứu về vấn đề chính trị học trong sự tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc những năm trở lại đây đã phát hiện ra rằng để giải thích sự tăng trưởng với tốc độ cao của Trung Quốc sau năm 1989, điểm mấu chốt là phải giải thích được tại sao nền chính trị và chính phủ Trung Quốc lại phục vụ cho mục tiêu tăng trưởng? Sự phân quyền trong lĩnh vực tài chính (đặc biệt là các cải cách thuế nhằm nâng cao quyền tự chủ trong thu chi cho chính quyền địa phương các cấp - ND), rồi thể chế chính trị theo mô hình cấp dưới chịu trách nhiệm trước cấp trên, những cạnh tranh về hành chính giữa các địa phương v.v... đã tạo nên đặc trưng cơ bản cho sự chuyển đổi của thể chế chính trị ở Trung Quốc.



Chỉ có những thay đổi của thể chế chính trị mới là nội dung quan trọng đích thực mà chúng ta vẫn nhắc đến khi bàn về «sự thay đổi của chế độ» (một khái niệm quan trọng của Kinh tế học Định chế - Institutional Economics - ND). Gần đây, tôi cùng với giáo sư Châu Lê An của trường Đại học Bắc Kinh biên soạn một cuốn sách về lĩnh vực này, đặt tên là «Cạnh tranh để tăng trưởng: Chính trị học của sự tăng trưởng kinh tế Trung Quốc». Mục đích của việc biên soạn là hi vọng thúc đẩy những nghiên cứu mang tính lý luận hoặc mang tính chứng thực về mô hình chuyển đổi của nền chính trị Trung Quốc.

Giáo sư kinh tế người Mỹ Jefferson từng nói với tôi rằng, việc xem xét về sự chuyển đổi thể chế chính trị của Trung Quốc từ góc độ tăng trưởng kinh tế hoàn toàn là một ý tưởng không tồi. Bởi lẽ, cho đến tận bây giờ chúng ta vẫn chưa có một hệ thống lý luận sẵn có nào có thể dùng để giải thích về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và chuyển đổi chính trị. Nhưng nếu chúng ta đưa mối quan hệ này vào nghiên cứu từ góc độ tăng trưởng kinh tế, thì rất có thể chúng ta sẽ có thêm một biến số/đại lượng mới trong các mô hình tăng trưởng kinh tế - ấy là sự chuyển đổi chính trị. Ở đây, quan điểm của tôi là, kể từ sau năm 1989, sở dĩ Trung Quốc có thể duy trì sự tăng trưởng liên tục với tốc độ cao như vậy là vì thể chế chính trị của quốc gia này đã chuyển từ «mô hình cản trở tăng trưởng» sang «mô hình ủng hộ tăng trưởng». Khi tăng trưởng kinh tế trở thành mục tiêu được ưu tiên hàng đầu, hoặc khi tăng trưởng kinh tế đã trở thành nhận thức chung thì quá trình chuyển đổi nêu trên về mặt chính trị đã thành công. Nhưng ngược lại, kết quả của quá trình tăng trưởng kinh tế này cũng mang những màu sắc chính trị tương ứng. Chẳng hạn như, sự tăng trưởng với tốc độ nhanh cũng có quan hệ lớn với con đường thẳng quan tiền chức của quan chức địa phương; tăng trưởng phần lớn tập trung ở khu vực duyên hải Đông - Đông Nam, khoảng cách phát triển chênh lệch giữa khu vực này với các vùng nằm sâu trong đất liền ngày một tăng; tăng trưởng phần lớn diễn ra ở thành thị chứ không phải ở nông thôn, chênh lệch thành thị - nông thôn cũng ngày một lớn; phương thức thực hiện tăng trưởng gắn liền với việc cho thuê lượng lớn đất đai, những xung đột giữa chính quyền với người dân ở thành

phố và nông dân ở nông thôn bị thu hồi đất đai hay dỡ bỏ nhà cửa ngày một căng thẳng v.v... Nói cách khác, sự tăng trưởng kinh tế với tốc độ cao nhờ dựa vào những chuyển đổi của thể chế chính trị cũng đồng thời làm nảy sinh ngày một nhiều «chi phí xã hội».

Do sự tồn tại của những trở lực chính trị đến từ cánh tả cũng như do mang trong mình đặc tính «có khả năng cạnh tranh», nên việc thể chế chính trị Trung Quốc tiếp tục chuyển đổi là điều khó tránh khỏi. Để ứng phó với những «chi phí xã hội» ngày một «đắt đỏ» mà quá trình tăng trưởng tốc độ cao để lại, để thu hẹp khoảng cách chênh lệch vùng và chênh lệch thu nhập, hiển nhiên Trung Quốc cần tiếp tục thực hiện những chuyển đổi về chính trị và mô thức quản trị chính phủ.

Gần như có thể phỏng đoán rằng, Trung Quốc sẽ thực thi nhiều chuyển biến mạnh mẽ trong lĩnh vực phân định và bảo hộ tài sản tư nhân, đồng thời sẽ đẩy nhanh việc phát triển các tổ chức phi chính phủ để có thể cùng lúc giải quyết được vấn đề xã hội nảy sinh ở nhiều cấp độ khác nhau. Trong phương diện này, có rất nhiều bài học kinh nghiệm mà Trung Quốc có thể tiếp thu được từ những nền kinh tế phát triển khác trên thế giới.

Tôi còn nhớ giáo sư Sachs và giáo sư Hồ Vĩnh Thái (Woo - học giả người Mỹ gốc Hoa - ND) có một bài viết, trong đó nói họ không đồng ý với quan điểm cho rằng sự tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc là kết quả của sáng tạo về mặt thể chế, những sáng tạo về mặt thể chế của Trung Quốc có lẽ đã được thổi phồng. Từ góc nhìn của mình, hai ông cho rằng tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc được thực hiện dần dần (từng bước) trong quá trình thu hẹp những chênh lệch về mặt thể chế chính trị giữa Trung Quốc với các quốc gia phát triển phương Tây. Còn ở đây, tôi lại đưa ra quan điểm hoàn toàn trái ngược: tăng trưởng kinh tế (của Trung Quốc) đạt được trước khi quốc gia này đạt được sự phát triển ở trình độ tương ứng về mặt thể chế chính trị với các nước phương Tây. Đó mới là nét đặc sắc của Trung Quốc!

Phạm Gia Hưng (biên dịch)

Nguồn: Báo Quan sát Kinh tế (tiếng Trung), số ngày 7/5/2007





có ý định phê phán tôn giáo mà chỉ muốn phân tích một số nguyên nhân để giải thích cho sự tồn tại và phát triển của tôn giáo.

Pascal là một nhà toán học lỗi lạc người Pháp vào thế

Tại sao con người dễ tin vào tôn giáo

Tôn giáo & niềm tin

“Liệu chúng ta có đủ nhìn thấy vẻ đẹp của khu vườn mà không cần tin rằng có những vị tiên nằm trong những bông hoa?” (Douglas Adams). Thế giới chúng ta đang sống vốn mang vẻ đẹp vô tận của nó. Và chúng ta không cần những điều kỳ diệu hay các thể lực siêu nhiên để làm cho cho thế giới tốt đẹp hơn.

Trước hết, bài viết này dựa trên quan điểm của một người không theo tôn giáo. Tôn giáo ở đây được nói đến chủ yếu là đạo Thiên chúa (Christianity) và đạo Hồi (Islam) mặc dù có thể áp dụng với tất cả tôn giáo trên thế giới. Hai đạo này có chung một đặc điểm là tôn thờ một đấng thần mà trong đạo Thiên chúa gọi là Chúa. Đạo Phật là một tôn giáo đặc biệt. Chúng ta có lý do để coi đạo Phật là một hệ thống đạo đức, triết lý của cuộc sống. Trong bài viết này, tác giả không

kỳ 18. Ông cũng là người sùng đạo. Ông lập luận cho niềm tin tôn giáo của mình: “Nếu bạn tin vào Chúa, và chúa có thật, bạn sẽ được phù hộ. Nếu không thì bạn không mất gì cả. Nếu bạn không tin vào Chúa và Chúa không tồn tại, bạn cũng không được cái gì. Còn nếu Chúa tồn tại thì bạn sẽ bị trừng phạt. Nói tóm lại, chúng ta nên tin vào Chúa.” Mặc dù đây chỉ là câu nói vui của Pascal để minh họa cho tư duy logic vì ông cũng là một nhà logic học, nhiều người vẫn dùng lập luận này để bảo vệ cho niềm tin của mình. Chắc các bạn cũng nhận thấy, bằng lập luận logic là cho dù bạn có theo đạo hay không theo đạo, Chúa (nếu tồn tại) cũng sẽ đối xử với tất cả mọi người như nhau.

Nếu Chúa (theo quan niệm của tôn giáo) là một người có trí tuệ vô biên, Chúa sẽ nhận thấy rằng nếu bạn không tin vào Người thì đó là sự nghi ngờ mang tính khoa học, hợp lý mà bất cứ một người biết suy nghĩ nào cũng có thể có. Còn đối với những người theo đạo, thì đây chỉ đơn thuần là niềm tin mà không có căn cứ vững chắc.

Không ai đã từng nhìn thấy Chúa hay chắc chắn rằng Chúa có tồn tại hay không. Chúng ta sống trên thế giới bằng lý lẽ chứ không phải bằng niềm tin. Nếu Chúa đúng thật là tồn tại thì Người hiểu rõ hơn ai hết điều này. Và nếu Chúa muốn mọi người tin vào mình thì Người đã có rất nhiều cơ hội để chứng tỏ sự tồn tại của mình. Nhưng Chúa đã không làm thế. Tại sao rất nhiều người trên thế giới vẫn tin vào tôn giáo? Xét cho cùng, mục đích của tôn giáo là truyền đạt những giá trị đạo đức của mình. Chúa chỉ là một hình tượng để giải thích sự tồn tại và phát triển của thế giới, là cơ sở để các nhà lãnh đạo tôn giáo truyền đạt tư tưởng của mình. Các lý lẽ để bác bỏ sự tồn tại của Chúa được Richard Dawkins đưa ra trong cuốn sách thuộc loại best seller “The God Delusion”. Trong bài viết này, chúng ta sẽ tìm hiểu các yếu tố làm cho con người từ rất nhiều thế kỷ nay tin vào tôn giáo.

Thuyết chọn lọc tự nhiên & giải thích cho niềm tin tôn giáo

Lý thuyết tiến hóa của Darwin là một công cụ tuyệt vời để giải thích sự phát triển của mọi sinh vật và xã hội loài người. Nó có tác động rất lớn đến nhận thức của con người về thế giới tự nhiên. Trong thuyết tiến hóa, chọn lọc tự nhiên là công cụ để sinh vật phát triển các đặc tính giúp thích nghi với môi trường sống. Các con thú săn mồi thường có bộ vuốt sắc, nhọn và một sức mạnh vượt trội. Các con mồi của nó thì cũng biết chạy nhanh và có giác quan nhạy bén để trốn thoát. Tất cả là do chọn lọc tự nhiên qua hàng nghìn, hàng triệu năm. Chúng ta sẽ dựa trên lý thuyết chọn lọc tự nhiên để tìm hiểu về tôn giáo.

Con người là sản phẩm của tiến hóa. Và trong quá trình tiến hóa, sự chọn lọc tự nhiên đã dần dần đào thải những gen xấu hay những đặc tính không phù hợp với sự phát triển, tồn tại của con người và vun đắp những yếu tố tốt. Lấy một ví dụ đơn giản: tại sao chúng ta lại thích sex? Tôi không nói về vấn đề đạo đức hay tâm lý xã hội ở đây. Đứng trên quan điểm sinh học của thuyết Darwin thì sex là một hoạt động có ích cho việc duy trì sự sống và do đó gen này sẽ được củng cố và phát triển. Những người thích sex sẽ có nhiều con hơn và do đó sẽ có nhiều cơ hội truyền gen "sex" cho các thế hệ sau. Những người không thích sex sẽ có ít con hoặc không có con, và do đó sẽ dần dần bị diệt vong.

Vậy thì tôn giáo có vai trò thế nào trong sự phát triển của xã hội? Chúng ta biết rằng các hoạt động tôn giáo gây ra sự lãng phí to lớn với xã hội, mà theo lý thuyết chọn lọc tự nhiên của Darwin thì nó phải bị đào thải.

Một cách giải thích của Darwin là lý thuyết chọn lọc nhóm (group selection). Tôn giáo tồn tại được là do sự tạo thành các nhóm tôn giáo và những nhóm này sẽ thống trị, mở rộng, lấn át các nhóm khác. Bằng việc gắn kết các thành viên bằng sự trung thành, đồng chí, tương ái, các nhóm tôn giáo sẽ bành trướng, lấn át những nhóm không theo tôn giáo. Lấy một ví dụ đơn giản. Một bộ lạc tôn thờ thần chiến tranh mà theo họ sẽ phù hộ những chiến binh dũng cảm sẽ có nhiều khả năng chiến thắng bộ lạc mà luôn tôn thờ thần hòa bình. Các chiến binh của bộ lạc "chiến tranh" sẽ chiến đấu dũng cảm hơn vì họ tin rằng một cuộc sống tốt đẹp đang chờ đợi họ trên thiên đường. Bộ lạc "chiến tranh" này sẽ dần dần chinh phục các bộ lạc khác và truyền bá thần chiến tranh của mình. Các cuộc thập tự chinh của người Thiên chúa giáo hay các cuộc chiến tranh tôn giáo của đạo Hồi là

minh chứng rõ nhất của hiện tượng này.

Nhưng giải thích này cũng không vững chắc. Trong cuốn sách "The selfish gene" của Richard Dawkins, ông cho rằng chọn lọc tự nhiên chỉ ủng hộ và vun đắp những gen có ích cho cá thể chứ không phải cộng đồng. Trở lại ví dụ của bộ lạc "chiến tranh" ở trên. Giả sử như trong bộ lạc có một người không tin vào thần chiến tranh và anh ta luôn muốn bảo toàn mạng sống và không chiến đấu dũng cảm như những người bạn của mình. Người lính này sẽ có nhiều cơ hội sống sót hơn và có nhiều cơ hội truyền gen "hèn nhát" của mình cho các thế hệ sau. Và do đó niềm tin vào thần chiến tranh sẽ không còn môi trường để phát triển.

Tôn giáo là một sản phẩm phụ (by-product)

Đây có lẽ là khái niệm trung tâm để giải thích nguồn gốc và sự thống trị của tôn giáo trong xã hội loài người.

Trước hết hãy phân tích một hiện tượng của thế giới loài vật. Chúng ta thường nhìn thấy các con bướm đêm (moth) bay thẳng vào các ngọn nến hay đèn nê-ông để rồi bị chết cháy. Đây chắc chắn không phải là một tai nạn mà là do một đặc tính nào

Đền thờ Tajmaji ở Ấn Độ

đó của con bướm đêm. Và loài bướm đêm thì không có đặc tính "tự tử" vì như vậy là đi ngược lại với chọn lọc tự nhiên và sẽ bị đào thải. Các nhà khoa học đã nghiên cứu và nhận ra rằng, loài bướm đêm thường tìm đường bằng cách định vị hướng đi so với chiều của tia sáng mặt trời. Cấu trúc mắt của bướm đêm cho phép nó đo được hướng của ánh sáng đi vào mắt. Như vậy thì con bướm đêm có thể tìm đường đi theo kiểu: bay theo hướng 45 độ so với tia sáng. Bởi vì mặt trời lớn hơn trái đất rất nhiều, tia sáng từ mặt trời là tương đối song song nên con bướm đêm có thể định vị chính xác đường đi của mình. Nhưng ánh sáng phát ra từ các vật dụng chiếu sáng nhân tạo như đèn nền là không song song. Giả sử rằng ánh sáng phát ra từ một ngọn đèn là đồng tâm, nếu con bướm đêm luôn bay theo hướng tạo với ánh sáng một góc V không đổi, đường bay của nó sẽ theo hình xoắn ốc dần dần đi thẳng vào tâm của nguồn sáng. Bằng các phép tính lô-ga-rit đơn giản các bạn có thể xác nhận điều này. Vậy thì tại sao loài bướm đêm trong quá trình tiến hóa của mình lại lưu giữ một đặc tính chết người này. Câu trả lời là đặc tính định vị bằng tia sáng là một đặc tính tốt, còn việc bị chết do gặp ngọn đèn chỉ là một by-product. Chúng ta chỉ nhìn thấy những con bướm đêm bị chết do gặp phải ngọn đèn mà không biết có rất nhiều con bướm đêm khác ngoài thiên nhiên đi lại một cách an toàn nhờ đặc tính này. Việc gặp một ngọn đèn là rất hiếm so với việc gặp tia sáng của trăng, sao hay mặt trời. Niềm tin vào tôn giáo là một sản phẩm phụ của một đặc tính có ích, lớn hơn của loài người.



Khi bạn còn trẻ, bạn luôn tin vào người lớn: ông bà, cha mẹ,... mặc dù họ có thể sai. Nếu mẹ bạn bảo bạn không nên bơi ở sông, đó là lời khuyên tốt. Nhưng nếu ông bố mê tin nào đó khuyên con mình nên cúng tế cho mùa màng tốt tươi thì việc đó chỉ làm lãng phí thời gian, tiền bạc. Khác những sinh vật khác, chúng ta sống nhờ tích lũy kinh nghiệm từ những thế hệ trước và những kinh nghiệm này được truyền đạt cho thế hệ sau để chúng tự bảo vệ và tiến bộ. Một điều tốt cho não của trẻ con khi luôn luôn tuân theo quy tắc: nghe theo tất cả những gì người lớn nói. Nghe lời bố mẹ, ông bà, nghe lời người lớn, đặc biệt những người có địa vị trong xã hội, tin tưởng những người đi trước không một chút thắc mắc, nghi ngờ là một đặc tính cố hữu của loài người. Điều này rất có giá trị đối với trẻ con, nhưng như những con bướm đêm, đôi khi đó là một sự sai lầm.

Trong chiến tranh, một điều tối quan trọng là quân lính luôn luôn tuân lệnh chỉ huy một cách tuyệt đối. Đôi khi mệnh lệnh là sai lầm, nhưng việc cho phép mỗi người lính tự hành động theo suy nghĩ của mình còn dẫn đến tác hại lớn hơn.

Trên quan điểm của một nhà lãnh đạo, một người lính phải hành động càng giống một cái máy càng tốt. Máy tính làm những việc được lập trình. Đôi khi những chương trình máy tính gây tác hại, như virus, spyware. Nhưng một máy tính không thể phân biệt lệnh nào là lệnh tốt, lệnh nào là xấu. Vậy thì một máy tính chỉ trở nên có ích nếu nó làm theo bất cứ dòng lệnh nào được cài trong máy. Dù sao thì những phần mềm, chương trình có hại là rất nhỏ so với những thứ có ích.

Chúng ta có thể nhận thấy một điểm giống nhau trong các ví dụ ở trên. Đó là việc tuân theo một quy tắc có ích nhất định mà đôi khi quy tắc ấy có thể dẫn đến nguy hiểm. Quá trình chọn lọc tự nhiên đã tạo ra một tâm lý trong não của trẻ con là tin tưởng tuyệt đối vào tất cả những gì bố mẹ hoặc trưởng tộc nói.

Nó tạo ra một loại virus tư tưởng được truyền từ thế hệ này đến thế hệ khác. Một đứa trẻ không thể phân biệt được lời khuyên phải rửa sạch hoa quả trước khi ăn so với việc phải cầu nguyện một ngày năm lần. Cái nào nghe cũng có lý như



Nhà thờ Notre Dame ở Paris

nhau. Và khi đứa trẻ lớn lên lại truyền các kinh nghiệm này cho con của mình. Điều tương tự có thể áp dụng đối với các kinh nghiệm, kiến thức về thiên nhiên, vũ trụ, tôn giáo. Và ngay cả khi lớn lên, chúng ta cũng rất khó phân biệt những gì đúng, sai để bác bỏ những kinh nghiệm học được từ bé.

Các nhà lãnh đạo tôn giáo hiểu rất rõ điều này. Họ luôn coi những người trẻ tuổi là đối tượng chính để truyền đạo. Những gì trẻ con được dạy từ hồi bé sẽ tác động rất lớn đến nhận thức sau này. Hầu hết những người theo đạo đã được bố mẹ "truyền giáo" từ khi còn bé (khái niệm mà Dawkins gọi là "childhood indoctrination"). Ngay

cả đối với người lớn thì việc nghe theo những người được cho là hiểu biết, tài giỏi hơn mình cũng là một đặc tính di truyền. Và một khi đã theo một tôn giáo nào đó sẽ rất khó để nghĩ rằng mình nên từ bỏ và từ bỏ bằng cách nào. Việc theo tôn giáo nào chỉ là vấn đề về địa lý. Nếu bạn sinh ra ở Mỹ, bạn sẽ theo Thiên Chúa giáo và cho rằng đạo Hồi là xấu. Điều ngược lại nếu bạn sinh ra ở Afghanistan.

Quan điểm của khoa học nhận thức (cognitive science)

Stephen Jay Gould đề xuất một khái niệm gọi là spandrel để chỉ những đặc tính phụ trội. Ban đầu spandrel là một thuật ngữ trong kiến trúc để chỉ cấu trúc hình chữ V nằm giữa hai vòm.

Spandrel vốn không có chức năng nhất định, chỉ là một sản phẩm phụ khi hai khung vòm được đặt gần nhau. Màu đỏ của máu cũng là một spandrel. Chức năng của máu là vận chuyển oxy đi khắp cơ thể. Màu đỏ chỉ là do máu có chứa hemoglobin. Nó không giúp ích cho sự sống của con người. Trong kiến trúc, spandrel có thể có ích hoặc không có tác dụng. Khi xây dựng cầu thang, nếu chúng ta tận dụng không gian bên dưới gầm cầu thang để dùng làm kho chứa đồ, cấu trúc spandrel hình tam giác này trở nên hữu dụng.

Liệu chúng ta có thể dùng spandrel để giải thích sự tồn tại và phát triển của tôn giáo?

Cuộc sống khó khăn của con người thừa hoang sơ đã phát triển ba đặc điểm về tư duy của con người để thích ứng với môi trường sống.



Chùa Bà Thánh Mẫu.

Đặc điểm thứ nhất là xu hướng gắn kết sự việc với một tác nhân tạo ra nó của tư duy con người. Khi một đứa trẻ nhìn thấy một sự vật gì đó, nó thường có suy nghĩ là sự việc này do ai đó gây ra và có mục đích nhất định. Ví dụ: khi nhìn đám lá cây động đậy, con người thường suy đoán đó là do một con vật nào đó tạo ra. Theo thuyết chọn lọc tự nhiên của Darwin, điều này là hợp lý cho sự phát triển và tồn tại của con người. Với người tiền sử việc suy đoán một đám lá động đậy là do một con báo, điều này sẽ cứu mạng anh ta nếu đúng như vậy. Còn nếu suy đoán đó chỉ là do gió nhưng đó là con báo thật, anh ta sẽ chết. Người ta dễ nhầm một tảng đá trong rừng là một con gấu nhưng ít ai nhầm một con gấu là một tảng đá.

Lập luận của Pascal về sự tồn tại của Chúa trở nên đúng hơn bao giờ hết. Nếu chúng ta tin vào Chúa, chúng ta sẽ không mất gì cả. Nếu chúng ta không tin nhưng Chúa lại có thật, chúng ta sẽ gặp rắc rối lớn.

Điều này có nghĩa gì với tôn giáo. Tư duy con người luôn có xu hướng gắn kết các sự vật hiện tượng tự nhiên với một tác nhân nào đó tạo ra chúng. Đây là điều kiện hoàn hảo để tôn giáo tồn tại và phát triển với hình tượng Chúa với sức mạnh siêu nhiên đã tạo ra mọi vật.

Một đặc tính khác của tư duy con người là tư duy nguyên nhân – sự việc. Đứng trước bất cứ sự việc nào diễn ra, chúng ta có xu hướng tưởng tượng diễn biến từ lúc bắt đầu cho đến khi kết thúc. Khi gặp một việc gì đó, chúng luôn tìm kiếm một sự lý giải, mà ít khi nghĩ đó là ngẫu nhiên. Chúa, với sức mạnh siêu nhiên là một sự lý giải lý tưởng cho nhiều hiện tượng bất thường, khó giải thích. Người Hy Lạp cổ đại tin rằng sấm sét là do thần Zeus nổi giận. Một người phụ nữ hiện đại khi được chữa khỏi bệnh ung thư mà tỉ lệ sống sót là 1/10 thường tìm kiếm một sự lý giải mang tính siêu nhiên. Bà ta có thể cho rằng đó là phần thưởng cho việc cầu nguyện của mình mà không nghĩ đó chỉ là vấn đề về xác suất.

Cho dù cuộc sống của con người trở nên ngày càng ít phụ thuộc vào thiên nhiên, một số đặc tính cố hữu của con người

vẫn được duy trì cho đến ngày nay. Những đứa trẻ là những người dễ có tư duy nguyên nhân – sự việc nhất. Chúng thường có suy nghĩ kiểu: mây là để làm mưa, gió là để làm mát. Có thể nói chúng ta sinh ra là những người duy tâm.

Đặc tính thứ ba của tư duy nhận thức đó là folk psychology. Đó là xu hướng phân tách tâm hồn (mind) và cơ thể (body). Đặc tính này dựa trên xu hướng dự đoán suy nghĩ, hành động của người khác và làm cho những người khác tin vào những gì mà mình muốn. Con người không có khả năng này sẽ không có khả năng tương tượng những người khác nghĩ về mình như

thế nào.

Quá trình tư duy bắt đầu bằng giả thuyết về sự tồn tại của tâm trí là cái vô hình, không thể nhìn, sờ, cảm giác được đối lập với cơ thể là phần hiện hữu của con người. Và khi chúng ta nghĩ về một người nào đó, cái chúng ta nghĩ đến là tâm trí chứ không phải cơ thể. Điều này dễ dẫn đến sự tin tưởng vào một tư duy tách biệt với vật chất hay chủ nghĩa duy tâm vốn là nền tảng của tôn giáo.

Như chúng ta đã phân tích, trong quá trình phát triển của xã hội, bằng chọn lọc tự nhiên, tư duy con người xuất hiện một số đặc tính cố hữu là điều kiện lý tưởng để niềm tin tôn giáo phát triển. Suy cho cùng thì tôn giáo chỉ là một sản phẩm phụ trong quá trình chọn lọc tự nhiên khi mà những đặc tính tốt phù hợp với sự tồn tại và phát triển của xã hội lại là môi trường lý tưởng cho tôn giáo.

Như vậy tư duy của con người luôn có chỗ cho niềm tin tôn giáo phát triển và các nhà truyền đạo đã tận dụng rất tốt các đặc điểm này. Vậy thì tôn giáo là tốt hay xấu. Điều này không phải mục tiêu của bài viết mặc dù tác giả luôn đứng trên quan điểm không ủng hộ tôn giáo. Tự do tôn giáo là điều cần được tôn trọng nhưng mọi người cũng nên có một cái nhìn đầy đủ, sáng suốt về một hiện tượng của xã hội loài người. Cuốn sách "The God Delusion" của Dawkins là một tài liệu rất tốt cho những ai muốn hiểu sâu thêm về Chúa và tôn giáo.

Tham khảo:

Darwin's God - ROBIN MARANTZ HENIG, The New York Times magazine, /3/2007

The God Delusion - Richard Dawkins

Nguyễn Thanh Sơn

(Bài viết thể hiện quan điểm riêng của tác giả. Mọi ý kiến tranh luận xin gửi về tapchiphiastruoc@gmail.com)





Nét duyên quê

Từ xưa đến nay, nếu
thôn làng Việt Nam
vẫn luôn được diễn tả
với cây đa, bến nước,
con đò, thì cảnh chợ
quê, dù đơn sơ với
vài dãy lều, hay đôi
khi chỉ là một bãi đất
trống làm nơi tụ họp,
đã gắn bó với cuộc
sống của người dân.
Đó không chỉ nơi trao
đổi, đáp ứng những
nhu cầu thiết yếu
của họ, mà còn được
xem là nét sinh hoạt
văn hóa quan trọng,
không thể thiếu.



Dân dã và đắm đắm

Nói đến chợ, người ta nghĩ ngay đến chỗ thị phi, đông đúc, ồn ào, kẻ bán người mua. Tuy vậy bức tranh chợ quê luôn êm đềm, dân dã trong hồi ức của những người xa xứ.

Thông thường Chợ quê được chia làm hai loại, chợ phiên và chợ hôm. Chợ phiên họp theo một chu kỳ nhất định.

Khi nói chợ họp ngày ba và ngày tám, có nghĩa là phiên chợ họp vào những ngày mồng ba, mồng tám, mười ba, mười tám, hai mươi ba, hai mươi tám hàng tháng (theo âm lịch).

Còn Chợ hôm thì ngày nào cũng họp, người mua người bán chỉ thưa thớt, trao đổi những hàng thiết yếu hàng ngày, hàng tươi sống như rau, hoa quả, dầu, muối, tôm, cá, trứng...

Ở chợ phiên hay chợ hôm, đan xen giữa những chuyện bán mua, người ta tranh thủ hỏi thăm, gặp gỡ, thông báo



tin vui, chia sẻ chuyện buồn, học hỏi nhau cách làm ăn, chỉ cho nhau kinh nghiệm trồng cấy... Đó là cái duyên, gần gũi, đầm ấm không thể có nơi chốn thành thị. Dù còn mang nặng tính tự túc, tự cấp nhưng chợ quê không phải vì thế mà đơn điệu, lạc lõng với thế giới bên ngoài. Người mua, kẻ bán, tất thấy đều xởi lởi, vui vẻ, có khi còn đùa tếu pha trò.

Trên những nẻo đường đất mấp mô, tiếng người còn râm ran chào nhau, gọi nhau và hẹn nhau ngày kia phiên chợ, mấy đứa trẻ đi đón quả lều đèo theo sau những bà mẹ tay xách nách mang.

Hàng quà bánh cũng rất phong phú với gánh bún riêu cua nóng bỏng, những chiếc bánh rán, bánh khoai thơm phức, nào là hàng bóng nếp, bóng ngô giòn tan...

Tùy theo từng vùng, những mặt hàng trao đổi phần lớn là nông sản, đặc sản



địa phương nên chợ quê mỗi nơi có những nét riêng, không lẫn vào nhau được. Do tập quán của người Việt từ lâu đời là đi chợ thường xuyên, thậm chí hàng ngày, ăn uống tuy đơn giản nhưng phải tươi sống, nên nơi nào có bãi đất, có vài tán cây cao, có con suối chảy qua và nhất là thuận đường cho người mua bán quanh vùng, là có chợ.

Từ phiên chợ vùng cao đến chợ nổi trên sông

Chợ ở khắp nơi, chỗ nào có người chỗ đó có họp chợ. Từ miền núi cao hoang vu, giao thông trắc trở cũng có chợ phiên vùng cao, đến vùng sông nước mênh mông sông rạch chằng chịt không tìm ra nơi hội họp thì đã có chợ nổi. Những loại hình chợ đặc biệt như vậy dù không được họp thường xuyên như ở miền đồng bằng, nơi đất rộng người đông, nhưng chính sự quý hiếm càng làm tăng nét đặc sắc tô điểm thêm cho văn hóa chợ của người Việt.

Ở vùng cao, mỗi lần xuống chợ phải trèo đèo vượt suối băng rừng, có khi mất cả ngày đường. Phiên chợ miền sơn cước bán toàn những sản vật của địa phương.

Với nhiều người chợ phiên cũng là nơi để họ được thưởng thức các món ăn đặc sản của địa phương như : Thắng cố, mèn mèn, bánh dầy, uống rượu ngô, thịt gà đen.

Nhưng có lẽ khu vực đông nhất chợ là nơi bán quần áo và hàng thủ công. Vào tới đây như lạc vào một rừng hoa bởi các bộ trang phục đủ sắc màu của các thiếu nữ dân tộc.

Các cô gái đến chợ không chỉ để sắm đồ mà còn để

khoe những bộ váy áo rực rỡ của mình. Họ cũng muốn trở tài khéo léo về tài may vá thêu thùa. Còn các chàng trai họ dùng tiếng khèn, tiếng sáo để bày tỏ lòng mình với các cô bạn gái... Có thể nói chợ phiên vùng cao được thể hiện không chỉ là nơi trao đổi hàng hóa mà còn là không gian, là cơ hội để bà con giao lưu tình cảm, để những nam thanh nữ tú có dịp gặp gỡ và tìm hiểu. Chợ đã trở thành nơi hội tụ văn hóa, chốn hò hẹn, nơi gặp gỡ, đã vượt xa cái chức năng mua bán, đổi chác thuần túy.



Chợ vùng cao. Ảnh: Quang Minh



Cô gái dân tộc sùng sinh ra chợ. Ảnh: Marcotobani



Sạp rau củ trên sông. Ảnh: Barclay Alasdair

cây do các chủ vừa hay thương lái chở ra, nào là chôm chôm, xoài, cam, quýt, bưởi, măng cụt, sầu riêng..., còn có sản vật của vùng sông nước kênh rạch như: cá, rùa, rắn, cua, tôm, chim đồng, bông súng, rau tươi... Chủ nhân vài ghe, thuyền treo lưng lửng một vài thứ trái cây, hàng hoá hay một bảng hiệu trên chiếc sào nơi thuyền của mình, cái cao cái thấp, cái thẳng cái nghiêng trông thật lạ mắt. Các loại hình hàng quán ăn uống, hớt tóc, may vá... cũng diễn ra ngay trên ghe, xuồng, rất tiện dụng và dường như thoả mãn mọi nhu cầu mua sắm, sinh hoạt đời thường của người dân vùng này.

Những phiên chợ từ lâu đã thành chốn mưu sinh của nhiều người dân quê, từ chị bán củi đến cô hàng xáo hay bà bán tôm, bán cá... Họ rất hiếm khi vắng mặt ở những vị trí quen thuộc. Thu nhập trong công việc bán buôn đủ chi mười mười lăm ngàn đồng, chủ yếu lấy công làm lãi, nhưng cũng đủ trang trải cuộc sống cho những gia đình khó khăn.

Dần dà, trên bước đường hiện đại hóa, chợ phiên được thay thế bởi những “trung tâm thương mại”, những chợ quê còn lại qua bao năm tháng dấu ấn xưa cũ đã phai bớt, nhưng mãi trong đó, bản sắc dân tộc vẫn duy trì bởi cốt cách thuần hậu của người nông dân đã tạo dựng lên nó...

Từ Hy

Ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, người dân quanh năm sử dụng các phương tiện di chuyển trên sông thì chợ nổi là nhu cầu tất yếu. Gọi là chợ nổi vì chợ họp ở trên sông, họp suốt cả ngày, nhưng nhộn nhịp nhất là vào buổi sáng. Giữa một vùng sông nước bao la là hàng trăm chiếc ghe, xuồng của người quanh vùng về tụ tập mua bán. Thuyền, ghe tập nập đi lại, luồn lách trên mặt nước. Tiếng chào mời mua bán, tiếng cười nói gọi nhau, tiếng nổ của động cơ... làm vang động cả một vùng, làm cho chợ nổi thật nhộn nhịp và sôi động. Hàng hoá trao đổi, phần lớn là trái



Ghe bánh mì. Ảnh: Random Discoveries

Thuyền đầy thiên nhiên

Bềnh bồng chợ nổi Cái Bè
 Lênh đênh sông nước tôi về Tiền Giang
 Giọng em lành lốt chào hàng
 Gọi niềm vui giữa dọc ngang tàu, thuyền
 Nụ cười má lúm đưa duyên
 Vàm sông gợn sóng hương vườn lung linh
 Tìm nhau chợ nổi nên tình
 Khách thương hồ gặp bạn mình cố nhân
 Tiếng gà âm sắc ngày xuân
 Xôn xao cây trái thơm mằm yêu thương
 Tôi người núi Ngự sông Hương
 Ngán ngơ chợ nổi miệt vườn miền Tây
 Sông lồng bóng nắng bèo mây
 Hồn quê nặng những thuyền đầy thiên nhiên
 Vô Quê

Chợ quê

Những mái lá liều xiêu chụm đầu vào nhau,
 như sợ đổ lúc nào không biết
 Những thân kèo thân cột gầy guộc hom hem
 nghe tiếng sáo đục găm nhăm bên trong
 Những khuôn mặt người dăm chiều như mỗi buổi chiều đông
 Chợ quê ơi - bao năm rồi vẫn thế!
 Từng mảng rêu xanh bám mặt đất lấm li
 như những đường gân xanh xao lạng lẽ
 Thương bán chân trần trơn trượt trời mưa
 Cua đồng bỏ lên,
 dẫu chân dọc ngang về những đường số phận
 Mái lá ướt mềm buốt lạnh những thân rơm...
 Ngọn gió lửa qua quán nhỏ buồn tênh
 Nghe cái kèo, cái cột chuyện trò với mái gianh về những người phiên cũ
 Nghe giọt mồ hôi từ mặt người rơi vào lòng đất mẹ
 Dậy lên hương xót mặn nồng nản...
 Lương Đình Khoa

Góc ảnh đất nước



Làng nổi trên sông. Ảnh: Kyle Rogerson

Dân chủ trong tư tưởng Hồ Chí Minh

Thực hiện Chỉ thị số 06 - CT/TW ngày 07 tháng 11 năm 2006 của Bộ Chính trị về tổ chức Cuộc vận động: "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", khắp nơi trong cả nước đang tung bừng làm panô, biểu ngữ chẳng khắp các nẻo đường. Là một sinh viên tại thành phố mang tên Bác, tôi cũng tò mò tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh là gì để có thể thực hiện tốt chỉ thị của Bộ Chính trị, cơ quan quyền lực cao nhất Việt Nam.

Có lẽ không có cách gì tìm hiểu về tư tưởng một con người tốt hơn là qua bài viết của người đó ở những thời kì lịch sử khác nhau. Xuyên suốt các thời kì lịch sử, có lẽ nguyện vọng lớn nhất của cụ Hồ là xây dựng một Việt Nam « dân chủ mới », một nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa như các nước văn minh trên thế giới. (từ « Dân chủ mới » được lặp đi lặp lại nhiều lần trong các văn bản viết bởi Hồ Chủ tịch).

Giờ lại lịch sử, ngay khi đất nước còn đang chìm trong đêm trường nô lệ, tại nước Pháp, chàng thanh niên Nguyễn Ái Quốc đã nhận thức được những quyền lợi căn bản mà một con người, một công dân trong xã hội phải có, vì đó là « những quyền không ai có thể xâm phạm được » (Tuyên ngôn độc lập). Tại đại hội Tours năm 1920 của đảng Xã hội Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã phát biểu như sau :

Người Việt Nam bị phân biệt đối xử, họ không có những sự bảo đảm như người châu Âu hoặc có quốc tịch châu Âu. Chúng tôi không có quyền tự do báo chí và tự do ngôn luận, ngay cả quyền tự do hội họp và lập hội cũng không có.

Việc nhận thức được thế nào là nhân quyền, dân quyền có lẽ là một bước phát triển rất lớn trong tư tưởng của người thanh niên Nguyễn Ái Quốc. Với nhận thức rằng chính phủ sinh ra là để phục vụ dân chứ không phải để cai trị dân, chính phủ không có quyền ngăn cấm công dân phát biểu và hội họp với nhau. Do vậy, chính phủ thực dân Pháp đã xử

sự hoàn toàn sai trái khi ngăn cấm và hạn chế quyền tự do ngôn luận, tự do hội họp của người Việt Nam.

Dù vậy, thực dân Pháp vẫn huênh hoang là họ có công « khai hóa » cho nhân dân Việt Nam. Thực dân Pháp đã tổ chức những cuộc vui chơi, thể dục thể thao, âm nhạc, thậm chí cho bầu cử giả hiệu để thanh niên Việt Nam lãng quên nghĩa vụ giải phóng đất nước. Nhìn bề ngoài không ai có thể nghĩ rằng người dân Việt Nam cần độc lập, tự do, dân chủ nhưng với con mắt nhìn xa trông rộng, cụ Hồ đã nhìn thấy điều khác hẳn :

Nói rằng Đông Dương gồm hai mươi triệu người bị bóc lột, hiện nay đã chín muồi cho một cuộc cách mạng là sai,

nhưng nói rằng Đông Dương không muốn cách mạng và bằng lòng với chế độ bây giờ như các ông chủ của chúng ta thường vẫn nghĩ như thế, thì lại càng sai hơn nữa. Sự thật là người Đông Dương không có một phương tiện hành động và học tập nào hết. Báo chí, hội họp, lập hội, đi lại đều bị cấm... Việc có những báo hoặc tạp chí mang tư tưởng tiến bộ một chút hoặc có một tờ báo của giai cấp công nhân Pháp là một tội nặng.

Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm khi thời cơ đến. Bộ phận ưu tú có nhiệm vụ phải thúc đẩy cho thời cơ đó mau

đến.

(trích bài Đông Dương của Nguyễn Ái Quốc, đăng trên tạp chí Cộng sản Pháp, số 14, năm 1921).

Để phục vụ cho chiến tranh thế giới lần thứ nhất 1914-1918, chế độ thực dân đã tranh thủ và huy động sự tham gia của người dân sống ở các nước thuộc địa tham gia giải phóng « Mẫu quốc », với vô số lời hứa hẹn sẽ ban bố quyền « tự do, dân chủ » cho người dân. Thế nhưng, khi cuộc chiến kết thúc, tất cả chỉ là những lời hứa suông. Người thanh niên Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ điều đó, không chỉ cho người dân Việt Nam mà toàn thể nhân loại đang sống ở chế độ thuộc địa :



tượng đài Hồ Chí Minh

Nhưng khi cơn bão tập đã qua, thì cũng vẫn như trước, anh em phải sống trong chế độ bản xứ, với những điều luật đặc biệt, thiếu hẳn các quyền lợi gắn liền với phẩm giá con người như quyền tự do lập hội và hội họp, tự do báo chí, tự do đi lại ngay cả trong nước. Đó là về mặt chính trị.

Nói tóm lại, người ta hứa hẹn đủ thứ ; nhưng giờ đây mọi người đều thấy toàn là những lời lừa dối.

Chỉ có bản thân nỗ lực đấu tranh thì mới mong có giải phóng được.

(Tuyên ngôn của hội « Liên hiệp thuộc địa »)

Khi các nước thắng trận như Mỹ, Anh, Pháp họp ở Versailles ngày 18 tháng 1 năm 1919, nhiều đoàn đại biểu các nước bị áp bức đã đến hội nghị này để đưa nguyện vọng của mình. Nguyễn Ái Quốc đã nhân danh « một nhóm người Việt Nam yêu nước » ở Pháp đã gửi bản « Những yêu sách của nhân dân Việt Nam » cho nghị viện Pháp và tất cả những đoàn đại biểu ở hội nghị này.

Bản yêu sách đã thể hiện tư tưởng ngời sáng của cụ Hồ, thể hiện sự tiếp nhận sâu sắc tư tưởng nhân quyền, dân quyền của cụ Phan Châu Trinh. Tư tưởng này đã khởi đầu cho nhận thức về một đất nước Việt Nam trong đó quyền tự do của người dân được bảo đảm, một thể chế dân chủ, pháp trị chứ không phải hoạt động dựa trên « chỉ thị » hay « sắc lệnh » của một nhóm người cai trị nào.

Ấn xá toàn thể chính trị phạm Việt Nam.

Cải cách nền pháp lý Đông Dương, cho người Việt Nam cũng được bảo đảm về mặt pháp lý như người Âu, bỏ hẳn tòa án đặc biệt, công cụ để khủng bố những người Việt Nam lương thiện nhất.

Tự do báo chí và tự do tư tưởng.

Tự do lập hội và tự do hội họp.

Tự do cư trú ở nước ngoài và tự do xuất dương.

Tự do học tập và mở các trường kỹ thuật và chuyên nghiệp cho người bản xứ ở khắp các tỉnh.

Thay thế chế độ sắc lệnh bằng chế độ đạo luật.

Phải có đại biểu thường trực người Việt Nam do người bản xứ bầu ra, ở bên cạnh nghị viện Pháp để trình bày nguyện vọng của người bản xứ.

(Nguyễn Ái Quốc - Những yêu sách của nhân dân Việt Nam)

Không chỉ giác ngộ cách mạng cho tầng lớp công nhân và nông dân, cụ Hồ còn chủ trương giúp đỡ các tầng lớp khác trong xã hội thành lập đảng đại diện cho nguyện vọng của họ. Có lẽ cụ đã vượt trước thời đại rất xa khi thấu hiểu sự cần thiết của nhiều đảng phái trong xã hội để nói lên tiếng nói của nhiều tầng lớp.

Ngay trong báo cáo chính trị tại đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai của đảng Lao Động Việt Nam (sau đổi tên thành đảng Cộng Sản), cụ Hồ đã phát biểu “Đảng [Lao Động] lại giúp những anh em trí thức tiến bộ thành lập đảng Dân Chủ Việt Nam để thu hút những thanh niên trí thức và công chức

Việt Nam”.

Không chỉ vậy, đảng Lao Động còn học hỏi những điều tốt đẹp của các đảng phái khác. Trong lời kêu gọi thi đua ái quốc ngày 11/06/1948, chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu ra chủ trương của Việt Nam Quốc Dân Đảng để toàn dân hướng vào, đó là chủ thuyết Tam Dân mà tác giả là Tôn Trung Sơn, người cha của nền Cộng hòa Trung Quốc: “Dân tộc độc lập, Dân quyền tự do, Dân sinh hạnh phúc”. Ba chữ “Độc lập”, “Tự do”, “Hạnh phúc” đã trở thành ba mục tiêu lớn nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và bây giờ là nước Cộng Hòa XHCN Việt Nam.

Đến tận cuối thập kỉ 90, sau khi cụ Hồ mất, hai đảng Dân Chủ và đảng Xã Hội mới bị cưỡng bách giải thể. Điều này hoàn toàn đi ngược với tư tưởng của cụ Hồ.

Đến tận những năm cuối đời, cụ Hồ vẫn căn dặn những lời hết sức hợp tình hợp lý. Trong di chúc, cụ mong muốn xây dựng một Việt Nam “Hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ, và giàu mạnh”.

Nếu ai đọc được các văn bản do cụ Hồ viết qua từng thời kì, sẽ hiểu ngay đường lối chiến lược này của cụ.

“Hòa bình” nghĩa là các bên tham gia chiến tranh phải ngưng bắn để bước vào bàn đàm phán.

Tiếp theo, “độc lập” nghĩa là nước ngoài không được can thiệp vào nội bộ Việt Nam, cụ thể là Mỹ phải rút quân ra khỏi miền Nam Việt Nam vô điều kiện.

Rồi đến “thống nhất”, nghĩa là hai miền Nam Bắc sẽ tổ chức bầu cử tự do và công bằng để bầu ra chính phủ thống nhất trên toàn quốc.

Ngay sau đó, chính phủ thống nhất cần thực hiện ngay thể chế “dân chủ”, chấm dứt tình trạng phân biệt nhân quyền, dân quyền do yêu cầu của thời chiến ở cả hai miền.

Một khi đã có nền tảng dân chủ vững chắc, chúng ta mới có thể xây dựng đất nước “giàu mạnh”, và giàu mạnh một cách bền vững.

Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh từ đầu đến cuối vẫn là đấu tranh để trả lại những quyền căn bản cho người dân, thực hiện thể chế dân chủ để bảo đảm những quyền tự do của người dân được thực thi như quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do lập hội và hội họp, tự do ứng cử và tự do bầu cử...

Ngay trong bài viết “Thực hành tiết kiệm và chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu” năm 1952, cụ Hồ đã viết “Dân chủ là dựa vào lực lượng quần chúng, đi đúng đường lối quần chúng”. Để làm được như vậy thì ý dân cần phải được thể hiện qua báo chí tự do và bầu cử công bằng.

Cụ Hồ đã mất gần 40 năm nhưng tư tưởng của cụ vẫn luôn nóng hổi tinh thời sự. Đọc lại những bài viết của cụ vẫn thấy cụ như đang đọc diễn văn sang sảng đâu đây.

Đài tưởng niệm các nhà báo hy sinh trên đường làm nhiệm vụ.

Người đưa tin chiến trường đầu tiên trên thế giới được ghi nhận trong lịch sử cổ đại là một người Hy Lạp- Philippides, đã chạy bộ từ Marathon đến Athènes để báo tin chiến thắng quân Perses trong trận chiến Marathon.

Nick Út, cộng tác viên AP, ngày 8/6/1972 đã làm chấn động dư luận thế giới với tấm ảnh chụp một bé gái bị trúng bom napal (Phan Thị Kim Phúc), gây làn sóng phản chiến bất bình tại các quốc gia có quân tham chiến tại Việt Nam. Tấm hình được bình chọn là một trong những bức ảnh của thế kỷ 20 !

Cuộc chiến tranh vùng Vịnh hay còn gọi là « Bão táp sa mạc » và gần đây nhất là « Chiến dịch giải phóng Iraq »(1), các phóng viên đài CNN, dưới làn thuốc súng, đã can đảm chĩa camera về hướng có chiến trận, rồi tả xung hữu đột, quay phim, chụp ảnh các cuộc bắn nhau trên đường phố, các tên lửa đất đối không bay lên hủy diệt các phi đạn của đối phương...

Để có những thông tin mới nhất, những bức ảnh thời sự nóng hổi kịp có mặt trên bàn tin trong ngày, cung cấp đến bạn đọc, người nghe, các nhà báo đã hoạt động hết sức mình trong những điều kiện làm việc khó khăn, những hoàn cảnh nguy hiểm. Trong

số đó không ít người đã bỏ mình trên đường tác nghiệp.

Một khu tưởng niệm các phóng viên trên toàn thế giới từ nạn, hoặc mất tích khi làm nhiệm vụ tính từ sau chiến tranh thế giới thứ hai cho đến năm vừa qua đã được khánh thành vào tháng 10 năm 2006 tại thành phố Bayeux – Calvados (Normandie - Pháp).

Đến thăm đài kỷ niệm các nhà báo, "Memorial des Reporters", bạn sẽ thấy hàng chữ được ghi giữa khuôn viên :

« Se vouloir libre, c'est aussi vouloir des autres libres »- « One may only taste freedom, when others around us free » (2) - Tạm dịch : « Khát vọng Tự Do, cũng có nghĩa là mong muốn



những người khác Tự Do. »

Trên 26 phiến đá màu trắng được xếp ngay thẳng trên hàng cỏ xanh tràn ngập bông hồng trắng, tên các phóng viên hy sinh được khắc trên hai mặt theo từng năm, không theo thứ tự abc, cũng không xếp theo chức vụ, thâm niên, mà theo thứ tự ngày tháng qua đời.

Kể từ khi chiến sự nổ ra tại Iraq 2003, đã có 103 phóng viên đã ra đi, vượt xa con số 63 Reporters hy sinh trong 20 năm chiến tranh tại Việt Nam giai đoạn 1955-1975.



Bạn có biết ?

Cuộc chiến tranh Nam Tư cũng đã cướp đi sinh mạng của 49 thông tin viên.

Các nhà báo Việt Nam thiệt mạng nhiều nhất vào những năm có chiến sự ác liệt như 1968 -Mậu Thân, 1972 -mùa hè đỏ lửa tại Quảng Trị. Cho năm 1989, đầu đó trên phiến đá trắng là những tên của các thông tin viên Trung Quốc với sự kiện đàn áp cuộc biểu tình của sinh viên học sinh tại Thiên An Môn. Cuộc chiến tranh tại vùng Balkan 1991-1995 các nhà báo người Nam Tư hy sinh khá đông. Các nhà báo Mỹ, Afganistan, không ít người đã bỏ mạng trong năm 2001 tại cuộc chiến chống khủng bố Al-Qeada, Taliban. Từ năm 2003 trở lại đây có nhiều tên Mohamed, Sadam... người Ả-rập hay các phóng viên phương Tây qua cuộc chiến Iraq...

Thật bồi hồi xúc động khi đứng ở hàng chữ dài ghi tên các phóng viên người Việt : Nguyễn Văn ..., Huỳnh Văn ...,



Le Khắc... Không một thông tin nào thêm để biết được anh, chị nhà báo đó làm việc cho tờ báo hay hãng tin nào, mất trong trường hợp nào.

Cầm Thùy (ảnh Thành Long)

(1) Cuộc chiến năm 1991 được đặt tên là « Bão táp sa mạc », năm 2003 được gọi là « Chiến dịch giải phóng Iraq »

(2) Simon de Beauvoir : Nhà văn nữ người Pháp 1908-1986

Truyện Cười

"Cô việc gì đấy?" Ông chủ hỏi nhân viên đang đi vào.

"Tôi muốn nghỉ chiều nay ạ".

"Có lý do gì vậy?"

"Lý do mà vợ tôi dạy tôi, tôi không còn nhớ rõ, ông cứ cho tôi nghỉ trước, sáng sớm mai tôi sẽ nói lại lý do với ông có được không ạ?"

Ông già: "Anh muốn lấy con gái tôi, thì anh phải có khả năng cung cấp tất cả mọi nhu cầu mà nó cần".

Chàng trai: "Vâng, vâng, cô ấy nói là trên thế giới này cô ấy chỉ cần cháu thôi ạ".

Hai tay thanh niên, đến một cửa hàng ăn tối.

Ăn xong hai người đi ra, người phục vụ tập sự giúp họ khoác áo khoác, một người trong họ rút ra cho người phục vụ tập sự năm mươi đồng, người kia không vui nói: "Sao cậu cho nó nhiều thế? Tiếc quá!" Nhưng người kia rất vui trả lời: "Vì nó đã khoác cho tớ chiếc áo khoác có giá trị bằng mười lần chiếc áo khoác của tớ".

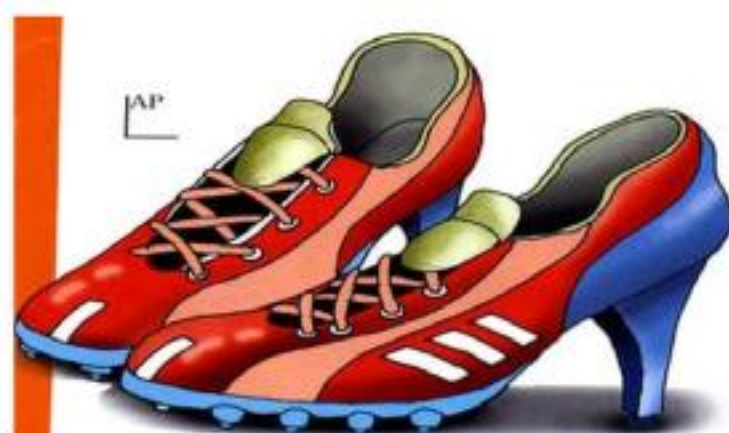
Có một anh chàng rao bán ngôi nhà ở một nơi tuyệt đẹp: "Như một vườn đào nguyên ngoài trái đất, ở đó không khí trong lành, thời tiết tốt, mọi người đều trường sinh bất lão". Vừa lúc ấy, có một đám tang từ khu nhà ấy đi ra. Anh chàng nọ tỉnh khò nói về đồng tình thương xót: "Ông bác sĩ đáng thương! Chỉ vì không có bệnh nhân mà ông ấy phải chết đời!"

Ông nọ rất thích đánh bạc, nhưng đồ vật trong nhà đang giá đều đã biến đi sạch. Một hôm bà vợ nói với ông ta: "Chắc là ông sẽ không đem tôi đi đặt cọc để đánh bạc chứ?"

"Tất nhiên là không rồi, tôi chẳng bao giờ mang thứ không đáng tiền đi đặt cọc!"

Biếm Họa

Chủ đề : quà biếu

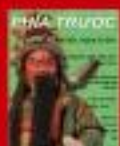


Sự thật chưa
hẳn là những
gì tận mắt
chứng kiến



Hãy gửi bài viết cho tạp chí Phía Trước*

Phía Trước là tạp chí Việt Nam hoạt động dựa trên quyền tự do báo chí và quy ước báo chí quốc tế. Tạp chí hướng đến mọi tầng lớp, thành phần trong xã hội, với mục đích mang đến cho người đọc thông tin trung thực, bình luận khách quan, dưới một góc nhìn hiện đại, không gò bó, không thành kiến về tình hình xã hội trong và ngoài nước. Bao gồm các mục chính : Chính Trị, Kinh Tế, Văn Hóa, Đời Sống-Xã Hội, Lịch Sử, Giải Trí, nội dung được trình bày linh hoạt, gần gũi dễ hiểu, với cách thể hiện trẻ nhưng có chiều sâu, thể hiện mọi ý tưởng, thông tin đa chiều và trải rộng trên khắp các vấn đề của xã hội.



PHÍA TRƯỚC

www.phiatruoc.net

www.360.yahoo.com/tapchiphiatruoc

ctvphiatruoc@gmail.com

<https://tielun.hopto.org>

* nhuận bút được trả theo bản quy ước cộng tác viên